



# BẢN TIN

# THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Tuần 15 (từ 13/04 - 17/04/2015)

BẢN TIN  
THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP

Tài liệu tham khảo

(Phát hành thứ 6 hàng tuần)

Cơ quan thường trực

CỤC CHẾ BIẾN  
NÔNG LÂM THỦY SẢN  
VÀ NGHỀ MUỐI

Địa chỉ:

Số 10 Nguyễn Công Hoan  
Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 84.4.37711210

Fax: 84.4.37711125

Email: [thuongmai.cb@mard.gov.vn](mailto:thuongmai.cb@mard.gov.vn)

Website: [chebien.mard.gov.vn](http://chebien.mard.gov.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung

TRUNG TÂM  
TIN HỌC VÀ THỐNG KÊ

Địa chỉ:

Số 2 - Ngọc Hà - Ba Đình  
Hà Nội

Điện thoại: 84.4.37341635

Fax: 84.4.38230381

Email: [trangtin@mard.gov.vn](mailto:trangtin@mard.gov.vn)

Website: [www.mard.gov.vn](http://www.mard.gov.vn)



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG NÔNG LÂM THỦY SẢN TRONG TUẦN

### TÌNH HÌNH CHUNG

Tuần qua, thị trường hàng hóa thế giới chịu tác động từ việc đồng USD giảm sau những số liệu kinh tế Mỹ thấp hơn dự đoán. Theo báo cáo của Bộ Thương mại Mỹ, doanh số bán lẻ của Mỹ tháng 3 tăng 0,9% thấp hơn so với 1% dự đoán của các nhà kinh tế học trong khảo sát của Reuters. Bộ Lao động Mỹ cho biết, chỉ số giá sản xuất của Mỹ trong tháng 3 chỉ tăng 0,2%, nhưng trong 12 tháng tính đến tháng 3/2015 chỉ số giá sản xuất giảm 0,8% - mức giảm hàng năm lớn nhất kể từ 2009.

**Thị trường thế giới**, giá cà phê Robusta tăng do thông tin sản lượng và xuất khẩu cà phê của một số nước sản xuất cà phê tiếp tục giảm trong khi tồn kho dự trữ ở các khu vực tiêu thụ chính trên thế giới vẫn duy trì ở mức trung bình.

Giá cao su thiên nhiên tại Sở Giao dịch hàng hóa Tokyo, Nhật Bản (Tocom) tuần qua đã hồi phục nhẹ sau khi tụt xuống mức thấp trong 9 tuần do đồng Yên tiếp tục suy yếu so với đô la Mỹ.

**Thị trường trong nước**, giá lúa, gạo tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) tuần này diễn biến giảm nhẹ trong bối cảnh nguồn cung dồi dào và nhu cầu xuất khẩu yếu. Giá thu mua hạt điều tại Bình Phước và Đồng Nai giảm so với tuần trước do chất lượng hạt cuối mùa thấp. Thị trường phân bón trong nước vẫn tiếp tục trầm lắng, nhu cầu thấp tại hầu hết các khu vực trong cả nước.

Giá ôi Hải Dương xuống thấp kỷ lục do vụ ôi này chất lượng chưa cao, vị ôi nhạt, thị trường tiêu thụ chậm, dẫn đến hàng hóa bị dồn ứ. Giá hành tây tại Đà Lạt (Lâm Đồng) đang được mua tại vườn với mức 1.000-2.000 đồng/kg, thấp nhất trong vòng 10 năm qua do nông dân trồng quá nhiều khiến cung vượt cầu.

# LÚA GẠO

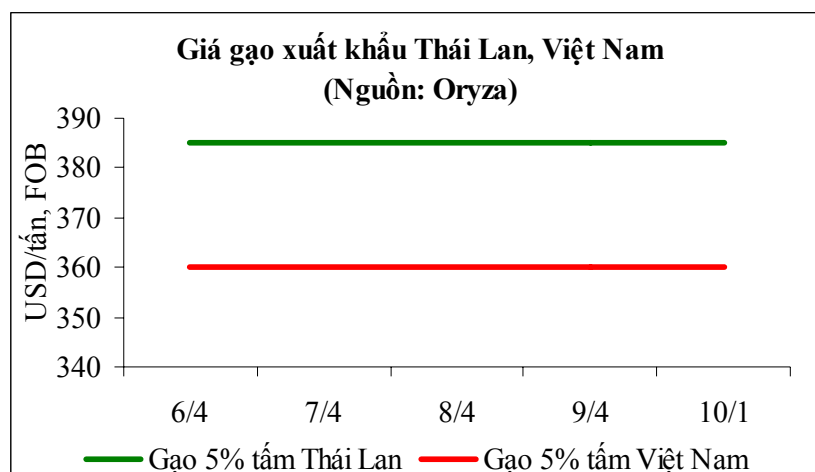


*Thị trường thế giới:* Thị trường gạo Thái Lan trầm lắng trước kỳ nghỉ Tết Songkran, mùa lễ hội té nước truyền thống của người Thái để đón năm mới. Thị trường gạo Thái đóng cửa nghỉ lễ từ ngày 13 – 15/4 nên giá gạo trong thời điểm này chỉ mang tính tham khảo. Theo đó, giá gạo xuất khẩu 5% tằm của Thái Lan ở mức 385 – 395 USD/tấn (FOB Băng Cốc), gạo 25% tằm ở mức 355 – 365 USD/tấn, gạo Super A1 ở mức 320 – 330 USD/tấn.

Theo ước tính của Văn phòng Kinh tế Nông nghiệp Thái Lan (OAE), sản lượng lúa của Thái Lan niên vụ 2014/15 đạt 32,6 triệu tấn (21,5 triệu tấn gạo), giảm 11% so với 36,77 triệu tấn (24,2 triệu tấn gạo) năm trước đó. Sản lượng lúa vụ 2 năm 2014/15 đạt 5,5 triệu tấn (3,63 triệu tấn gạo), giảm 43% so với 9,67 triệu tấn (6,4 triệu tấn gạo) năm trước đó và giảm 18% so với 6,7 triệu tấn dự báo trước đó. Diện tích gieo cấy niên vụ này giảm nhẹ xuống 9,88 triệu ha từ 9,93 triệu ha năm trước đó; trong khi diện tích lúa vụ 2 giảm 42% xuống 1,4 triệu ha từ 2,4 triệu ha năm trước đó. Năng suất lúa vụ chính 2014/15 ước tăng nhẹ lên 2,74 tấn/ha so với 2,73 tấn/ha năm trước; và năng suất vụ 2 giảm 3% xuống 3,89 tấn so với 4,02 tấn năm ngoái.

Theo Hiệp hội xuất khẩu gạo Thái Lan, nhà xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới đã xuất khẩu 732.151 tấn gạo trong tháng 2/2015, tăng gần 20% so với 610.504 tấn trong tháng 1/2015, và tăng gần 3% so với 709.832 tấn cùng kỳ năm ngoái. Về giá trị, kim ngạch xuất khẩu gạo tháng 2/2015 đạt 369,58 triệu USD, tăng 10% so với 336,75 triệu USD trong tháng 1/2015, nhưng giảm 2% so với 378,18 triệu USD cùng kỳ năm 2014.

Theo Cục Thống kê Nông nghiệp Phi-lip-pin (BAS), tồn kho gạo của Phi-lip-pin tháng 3/2015 giảm tháng thứ 3 liên tiếp xuống còn 2,27 triệu tấn. Cơ quan Lương thực Quốc gia (NFA) đã quyết định nhập khẩu 500.000 tấn gạo (200.000 tấn từ Thái Lan và 300.000 tấn từ Việt Nam) theo thỏa thuận liên chính phủ trong năm 2015 nhằm đảm bảo đủ lượng gạo lưu kho trong mùa giáp hạt (tháng 6 - tháng 9).



# LÚA GẠO



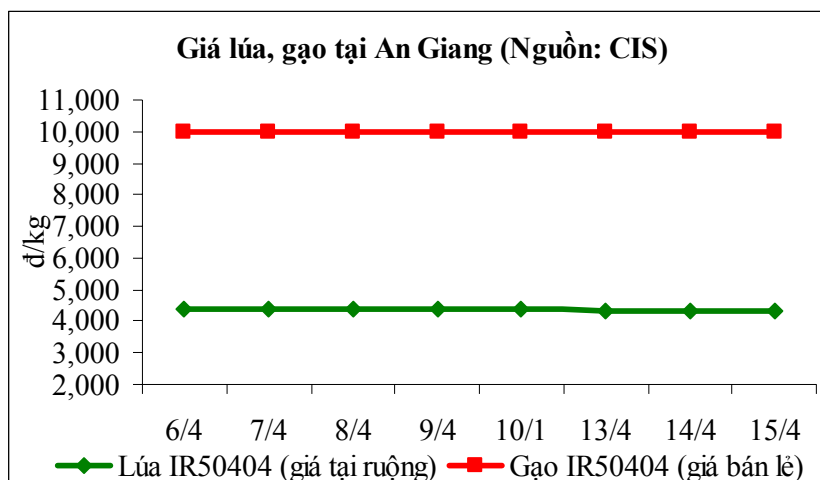
*Thị trường trong nước:* Giá lúa, gạo tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) tuần này diễn biến giảm nhẹ trong bối cảnh nguồn cung dồi dào, nhu cầu xuất khẩu yếu. Ngày 15/4, Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) đã hoàn thành 100% chỉ tiêu thu mua tạm trữ 1 triệu tấn quy gạo theo chủ trương của Chính phủ. Đánh giá chung là VFA đã hoàn thành tốt việc thu mua tạm trữ, với những cách làm hay, hiệu quả. Tuy nhiên, do đầu ra cho xuất khẩu gạo vẫn tiếp tục khó khăn nên giá lúa, gạo không tăng mạnh như mong muốn.

Giá gạo 25% tấm xuất khẩu của Việt Nam – đối thủ cạnh tranh chủ yếu của Thái Lan giảm nhẹ trong tuần này, từ mức 340 – 350 USD/tấn (FOB Cảng Sài Gòn) xuống còn 335 – 345 USD/tấn. Gạo xuất khẩu 5% tấm giữ ở mức 360 – 370 USD/tấn, gạo 100% tấm ở mức 310 – 320 USD/tấn.

Hiện lượng gạo xuất khẩu vẫn chủ yếu từ các hợp đồng đã ký kết, trong khi hợp đồng mới với số lượng lớn hầu như không có.

Theo Hệ thống cung cấp giá tại địa phương, giá lúa tại một số tỉnh ĐBSCL tuần này diễn biến như sau: tại An Giang, riêng lúa IR50404 giảm nhẹ từ 4.400 đ/kg xuống còn 4.300 đ/kg, các loại lúa khác ổn định giá, với OM 2514, OM 2717 giữ ở mức 4.600 đ/kg; OM 1490 ở mức 4.500 đ/kg. Tại Vĩnh Long, lúa IR50404 tươi được thu mua với giá 4.300 đ/kg, trong khi lúa khô chỉ đạt thấp, từ 4.700 – 4.800 đ/kg. Tại Bạc Liêu, lúa khô chất lượng cao giảm 200 đồng, từ 5.400 – 5.600 đ/kg xuống còn 5.300 – 5.400 đ/kg; lúa tươi giảm từ 4.700 – 4.900 đ/kg xuống còn 4.600 – 4.800 đ/kg. Tại Kiên Giang, lúa tẻ thường giữ ở mức 5.500 đ/kg, lúa dài ở mức 5.700 đ/kg.

Theo VFA, tính từ đầu năm đến hết ngày 9-4, Việt Nam mới xuất khẩu được 1,073 triệu tấn gạo các loại, giảm trên 250.000 tấn so với cùng kỳ 2014, với giá trị 445,6 triệu USD.

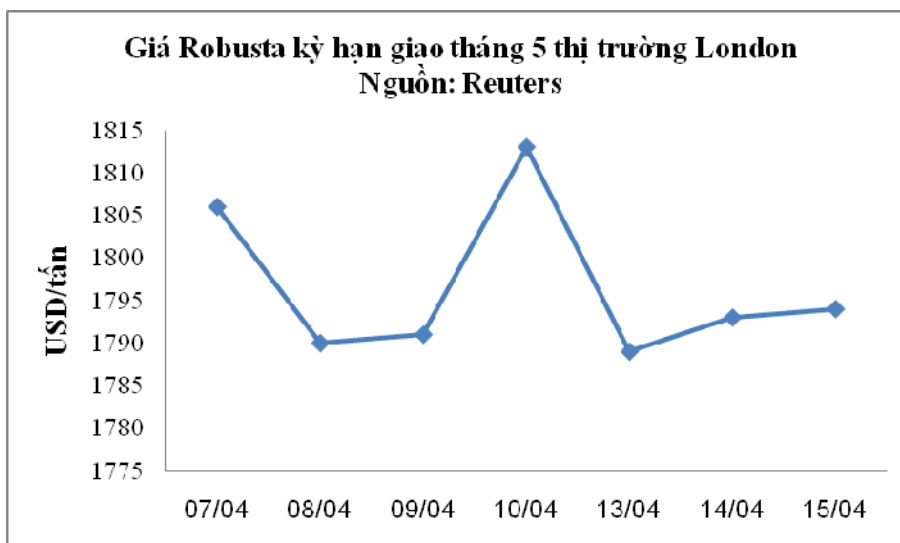


*Nguyễn Lan Anh*

# CÀ PHÊ



*Thị trường thế giới:* Thị trường cà phê thế giới biến động tăng trong tuần qua. So với cuối tuần trước, giá cà phê Robusta kỳ hạn giao tháng 5 thị trường London tăng 3 USD/tấn lên 1.794 USD/tấn. Giá cà phê thế giới tăng do thông tin sản lượng và xuất khẩu cà phê của một số nước sản xuất cà phê tiếp tục giảm trong khi tồn kho dự trữ ở các khu vực tiêu thụ chính trên thế giới vẫn duy trì ở mức trung bình. Thị trường cà phê thế giới hiện đang tập trung vào những dự báo về vụ thu hoạch vụ mới ở Brazil và lượng hàng xuất khẩu của Việt Nam.



Theo báo cáo thị trường cà phê tháng 3 của Tổ chức Cà phê thế giới ICO, xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng 2/2015 đạt 8,6 triệu tấn, giảm 10,2% so với tháng 2/2014. Xuất khẩu cà phê toàn cầu trong 5 tháng đầu niên vụ cà phê 2014-2015 (tháng 10/2014 đến tháng 2/2015) đạt 43,4 triệu bao, giảm 1,2 triệu bao so với cùng kỳ năm 2013-2014. Xuất khẩu cà phê của Brazil giảm lần đầu tiên trong 15 tháng qua, trong khi xuất khẩu cà phê của Việt Nam ước tính cũng giảm.

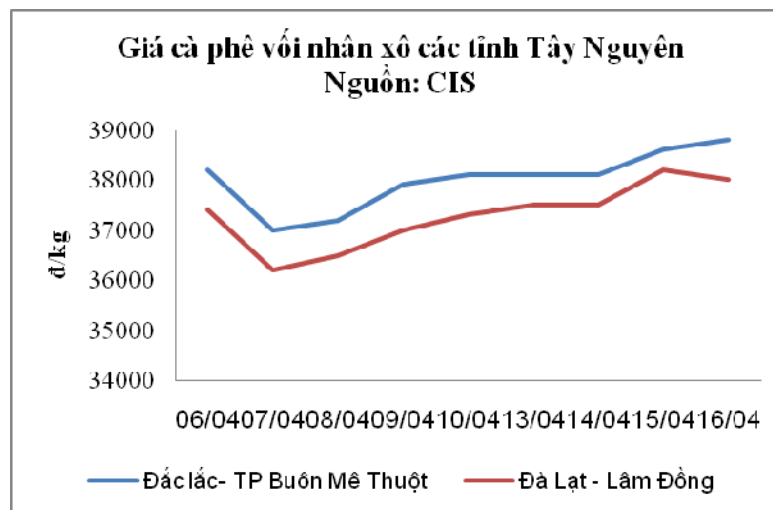
Theo dự báo mới nhất của Viện Địa lý và Thống kê Brazil, sản lượng cà phê của nước này năm 2015 chỉ đạt 42.525.683 bao, giảm 5,81%, tương đương 2.624.571 bao, so với năm 2014. Trong đó, sản lượng Arabica đạt 31.342.467 bao và Robusta đạt 11.183.216 bao.

Liên đoàn nông dân trồng Cà phê (Fedecafe) Colombia đã thông báo sản xuất và xuất khẩu trong tháng Ba đều sụt giảm so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng cà phê Arabica chế biến ước đạt 800.000 bao (bao = 60kg), giảm 28.000 bao, tức giảm 3,38% so với cùng kỳ năm trước, trong khi khối lượng xuất khẩu chỉ đạt 772.000 bao, giảm 156.000 bao, tức giảm 16,81% so với cùng kỳ năm ngoái do ảnh hưởng cuộc đình công của tài xế xe tải. Cuộc đình công của tài xế xe tải vào nửa đầu tháng Ba đã làm gián đoạn việc vận chuyển cà phê đến các cảng xuất khẩu, nhưng đã kết thúc sau khi có các cuộc đàm phán với Chính phủ.

# CÀ PHÊ



*Thị trường trong nước:* Thị trường cà phê trong nước biến động tăng cùng với xu hướng thị trường cà phê thế giới. So với cuối tuần trước, giá cà phê vối nhân xô các tỉnh Tây Nguyên tăng 700 đ/kg lên 38.000 – 38.800 đ/kg; Giá cà phê Robusta giao tại cảng TP.HCM giá FOB tăng 3 USD/tấn lên 1.814 USD/tấn.



Nông dân trong nước tiếp tục hạn chế bán ra, gây khó khăn cho các nhà xuất khẩu trong việc đảm bảo nguồn cung cấp. Tích trữ cà phê ở Việt Nam có thể gây ra việc trì hoãn xuất khẩu, thiếu hụt nguồn cung toàn cầu ngày càng sâu và có thể ảnh hưởng tới sản lượng của niên vụ 2015/16.

Theo số liệu sơ bộ của Hải quan Việt Nam, xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 3/2015 đạt 130.494 tấn, trị giá trên 266,1 triệu USD, tăng 41,5% khối lượng và 36,2% giá trị so với tháng 2/2016. Xuất khẩu cà phê 3 tháng đầu năm 2015 (tháng 1-3/2015) đạt 354.455 tấn, trị giá trên 741,2 triệu USD, giảm 40,6% khối lượng và giảm 36,7% giá trị so với cùng kỳ năm 2014. Xuất khẩu có thể giảm xuống trong khoảng 60.000 đến 110.000 tấn trong tháng 4.

Khu vực Tây Nguyên đang đối mặt với tình trạng thiếu nước tại đỉnh điểm của mùa khô và mưa được dự báo quay trở lại sớm nhất vào cuối tháng 5, chậm hơn 2 tuần so với thường lệ. Còn quá sớm để dự báo sản lượng niên vụ 2015/16 có thể giảm bao nhiêu do thời tiết khô hạn.

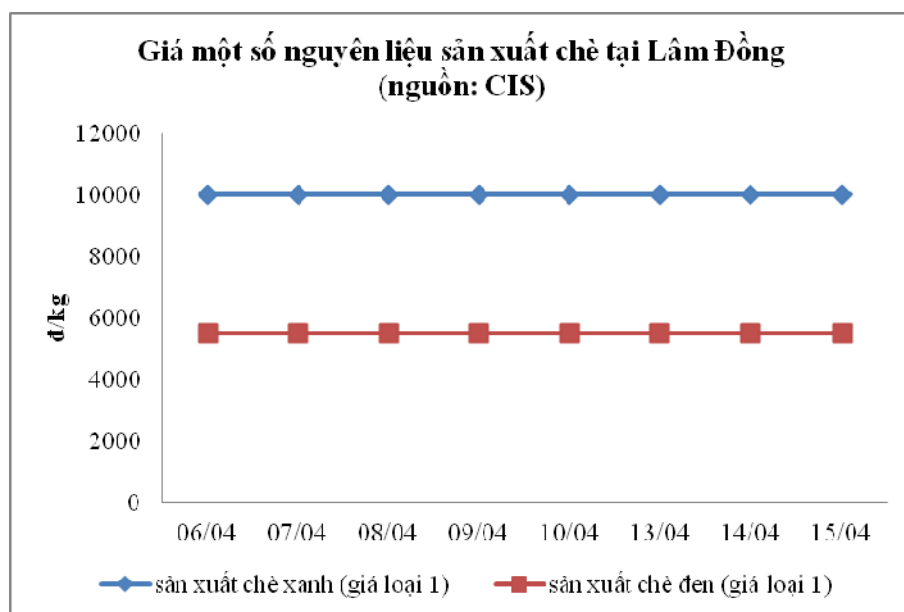
*Hồ Như Nguyệt*



# CHÈ



Trong tuần qua, giá chè nguyên liệu sản xuất chè xanh tại Lâm Đồng vẫn tiếp tục duy trì ở mức giá của tuần trước sau khi tăng giá thêm 1.000đ/kg vào thời điểm sau Tết Nguyên đán. Đồng thời, giá chè nguyên liệu để sản xuất chè đen vẫn ổn định ở mức 5.500đ/kg.



Trong tuần, loại chè đen BOP1 được xuất sang Ả rập xê út là loại chè có khối lượng xuất khẩu lớn nhất là 66 tấn với mức giá là 2,51 USD/kg. Tiếp đến phải kể đến loại chè xanh Fanings xuất sang Đức ở mức giá là 1,25 USD/kg và khối lượng là 24 tấn. Loại chè đen F3 được xuất sang Canada với mức giá là 0.72 USD/kg là loại chè có khối lượng xuất khẩu lớn thứ 3 trong tuần.

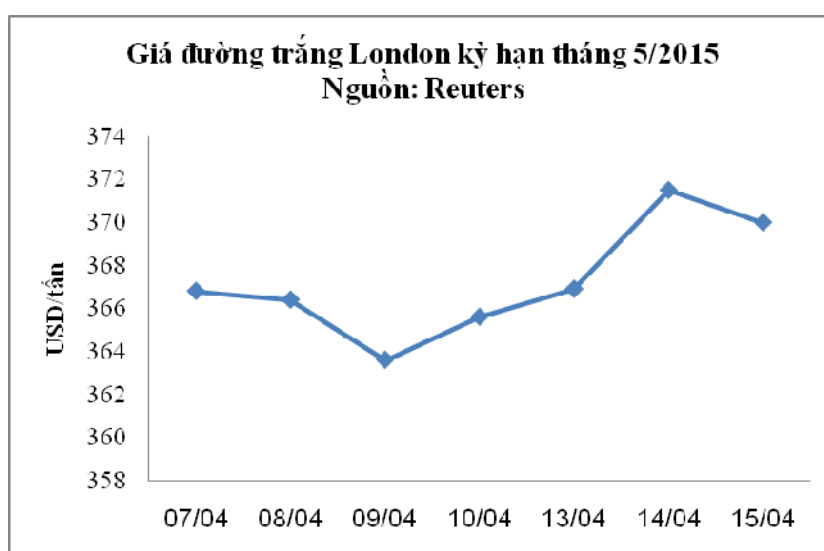


*Chu Diễm Hằng*

# MÍA ĐƯỜNG



*Thị trường thế giới:* Thị trường đường thế giới biến động tăng trong tuần qua. So với cuối tuần trước, giá đường trắng London kỳ hạn tháng 5/2015 tăng 4,4 USD/tấn lên 370 USD/tấn. Giá đường tăng do đồng đô la Hoa Kỳ giảm giá mặc dù số liệu vụ thu hoạch tại khu vực trồng chính của Brazil tích cực hơn dự đoán. Theo số liệu từ Unica, Hiệp hội Công nghiệp đường và ethanol Brazil, sản lượng đường ở khu vực Trung nam nước này tăng mạnh so với một năm trước. Tổ chức Conab cho biết Brazil dự kiến sản xuất tổng cộng 37,35 triệu tấn đường, tăng 5% so với một năm trước, với hầu hết sự tăng trưởng là từ sự phục hồi của vụ chính tại khu vực Trung nam.



*Thị trường trong nước:* Tuần qua, giá bán buôn đường kính trắng loại 1 (có VAT) tại nhà máy giữ ổn định ở mức trên dưới 12.000 đ/kg.

Ngành mía đường đang gặp khó khi đường tồn đọng, đường nhập lậu ở mức cao, nông dân thua lỗ liên tiếp nhiều năm. Hàng loạt địa phương tại đồng bằng sông Cửu Long đã giảm diện tích trồng mía. Theo tổng hợp của Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ, niên vụ 2014 – 2015, diện tích mía ở Đồng bằng sông Cửu Long giảm hơn 3.000 ha.

Trước thực trạng nông dân trồng mía thua lỗ, tỉnh Hậu Giang đã triển khai Đề án tái cơ cấu cây trồng, vật nuôi (Đề án 1.000), chuyển đổi 1.000ha mía kém hiệu quả ngoài đê bao sang trồng màu, cây ăn trái để tăng thu nhập cho nông dân. Tại vùng trồng mía lớn nhất tại ĐBSCL là huyện Phụng Hiệp (tỉnh Hậu Giang), diện tích đang thu hẹp để nhường chỗ cho các cây trồng khác.

Theo phòng NN-PTNT huyện Phụng Hiệp, Hậu Giang, vụ mía 2014-2015 đã xuống giống 8.345ha (giảm 1.200ha so với niên vụ trước). Phụng Hiệp là vùng trũng, phải thu hoạch mía chạy lũ, năm nào cũng bán mía sớm, chưa đạt cỡ đường nên giá bán luôn thấp. Huyện Mỹ Tú (tỉnh Sóc Trăng) có khoảng 40% số hộ nông dân sản xuất bị lỗ, 15-20% số hộ hòa vốn và phần còn lại có lãi nhưng cũng chỉ khoảng 10-15 triệu đồng/ha.



# MÍA ĐƯỜNG



Bước vào vụ sản xuất mía đường năm nay, huyện Thới Bình (tỉnh Cà Mau) chỉ còn khoảng 1.500ha diện tích mía nguyên liệu, giảm gần 200 ha so với vụ mùa trước. Người dân chuyển đổi sang luân canh tôm lúa, tập trung nhiều ở xã Biển Bạch Đông, Trí Lực, Tân Bằng và xã Trí Phải.

Tỉnh Trà Vinh có 10.000ha trồng mía tại 3 huyện: Duyên Hải, Trà Cú, Tiểu Cần để cung ứng nguyên liệu cho Nhà máy Đường Trà Vinh. Nhưng liên tiếp 3 năm gần đây, giá mía luôn đứng mức thấp nên nông dân chuyển sang trồng lúa hoặc cải tạo đất đào ao nuôi cá lóc. Tại xã Lưu Nghiệp Anh (huyện Trà Cú), niên vụ mía năm nay toàn xã chỉ còn 1.770 ha mía, giảm 300 ha và sẽ còn giảm nữa nếu cây mía không đem lại lợi nhuận cho người nông dân.

Theo phòng NN-PTNT huyện Trà Cú, với giá mía như hiện nay, sau khi trừ các khoản chi phí, nông dân không thu được nhiều lợi nhuận. So với các loại cây trồng khác thì hiệu quả kinh tế của cây mía thấp nhất.



*Hồ Như Nguyệt*

# HẠT ĐIỀU



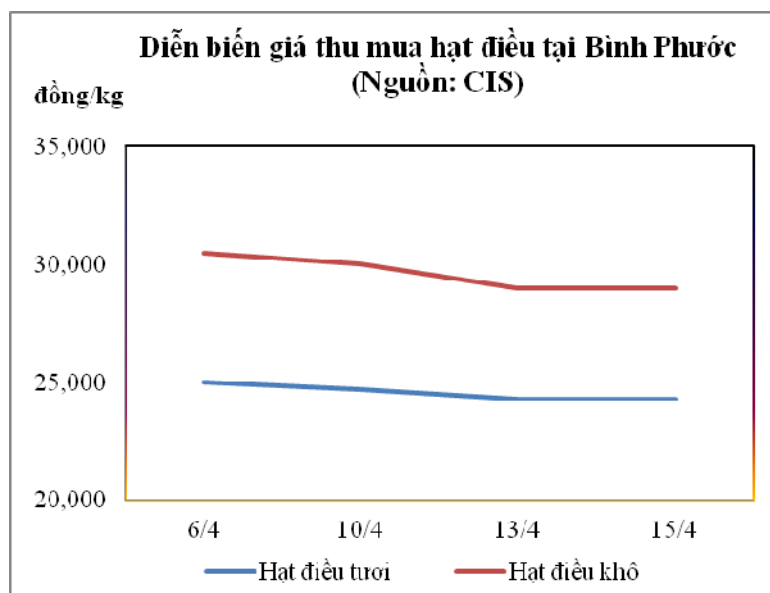
*Thị trường thế giới:* Thị trường hạt điều toàn cầu có xu hướng tăng giá trong tháng vừa qua và xu hướng này được dự báo sẽ tiếp diễn trong tháng 4.

Tháng trước, giá điều nhân được giao dịch ở mức giá 3,65-3,85 USD/lb đối với điều W240; 3,4-3,6 USD/lb đối với điều W320; 3,15-3,25 USD/lb đối với điều W450; 3,25-3,35 USD/kg đối với điều SW320; điều vỡ dọc là 2,9-3,1 USD/lb và điều mảnh là 2,85-3 USD/lb (fob).

Nhìn chung, vụ điều năm nay được dự báo diễn ra thuận lợi ở nhiều khu vực. Tuy nhiên, vẫn có lo ngại về chất lượng và sản lượng điều nhân. Hiện Bắc bán cầu - khu vực chiếm 75% sản lượng điều thế giới đang vào vụ thu hoạch.

Điều thô của Ấn Độ và Việt Nam đang được giao dịch ở mức 1.450-1.500 USD/tấn; Tây Phi là 1.100-1.300 USD/tấn (c&f) tùy thuộc vào xuất xứ, chất lượng, kỳ hạn giao hàng và thanh toán.

*Thị trường trong nước:* Giá thu mua hạt điều tại Bình Phước và Đồng Nai nhìn chung giảm so với tuần trước. Cụ thể là, tại Đồng Nai, giá thu mua hạt điều tươi đã giảm 2.000 đ/kg so với tuần trước, hiện đạt 24.000 – 26.000 đ/kg; tại Bình Phước, giá thu mua hạt điều tươi hiện đang duy trì ở mức 24.300 đ/kg, giảm 400-700 đ/kg. Giá thu mua hạt điều khô tại Bình Phước cũng giảm 1.000 – 1.500 đ/kg so với tuần trước, hiện đạt 29.000 đ/kg. Giá giảm là do chất lượng hạt cuối mùa thấp.



Về giá xuất khẩu, tuần trước, giá xuất khẩu một số chủng loại điều có xu hướng giảm nhẹ. Cụ thể là, nhân hạt điều đã qua chế biến loại WW240 xuất khẩu sang Mỹ giảm 0,02 USD/kg, đạt 8,09 USD/kg. Hạt điều nhân sấy khô đã qua chế biến loại WW320 xuất khẩu sang Anh giảm 0,22 USD/kg, đạt 7,28 USD/kg. Hạt điều nhân sấy khô đã qua sơ chế loại W320 xuất khẩu sang Đức giảm 0,49 USD/kg, đạt 7,23 USD/kg. Hạt điều nhân loại WW320 xuất khẩu sang Pháp giảm 0,07 USD/kg, đạt 7,43 USD/kg.

# HẠT ĐIỀU



Tham khảo giá xuất khẩu điều sang một số thị trường chính tuần từ 06/4-12/04/2015

| Mặt hàng  | ĐVT   | Lượng   | Đơn giá | Thị trường  |
|---|-------|---------|---------|-------------|
| Hạt điều nhân sấy khô đã qua sơ chế loại LP     | kg    | 6804    | 6,08    | Canada      |
| Hạt điều nhân loại WW320 (đã được làm chín)     | kg    | 15876   | 7,47    | Chi Lê      |
| Hạt điều nhân WW240 đã bóc vỏ, chưa rang        | kg    | 1814,4  | 8,30    | Trung Quốc  |
| Hạt điều nhân DDW đã bóc vỏ, chưa rang          | kg    | 1814,4  | 7,10    | Trung Quốc  |
| Hạt điều nhân loại WW320                        | kg    | 15876   | 7,43    | Pháp        |
| Hạt điều nhân sấy khô đã qua sơ chế loại W320   | kg    | 7938    | 7,23    | Đức         |
| Hạt điều nhân sấy khô đã qua sơ chế loại LP     | kg    | 15876   | 5,89    | Ấn Độ       |
| Hạt điều nhân loại WW450                        | kg    | 15876   | 7,12    | Lithuania   |
| Nhân hạt điều W240                              | pound | 35000   | 3,73    | Mexico      |
| Nhân hạt điều WW320                             | pound | 35000   | 3,35    | Nga         |
| Hạt điều nhân sấy khô đã qua sơ chế loại SW320  | kg    | 2268    | 7,01    | Nam Phi     |
| Hạt điều nhân sấy khô đã qua sơ chế loại LBW320 | kg    | 15195,6 | 7,36    | Tây Ban Nha |
| Nhân hạt điều W320                              | kg    | 15876   | 7,03    | Thụy Điển   |
| Nhân hạt điều LP                                | kg    | 11340   | 6,28    | Đài Loan    |
| Hạt điều nhân sấy khô đã qua sơ chế loại LP     | Tấn   | 15,88   | 5933,25 | Thái Lan    |
| Hạt điều nhân sấy khô đã qua sơ chế loại WW320  | kg    | 15876   | 7,28    | Anh         |
| Nhân hạt điều WW240 đã bóc vỏ, chưa rang        | Tấn   | 16,33   | 8090,63 | Hoa Kỳ      |
| Hạt điều nhân W320                              | pound | 25000   | 3,30    | Hoa Kỳ      |

(Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương Mại)

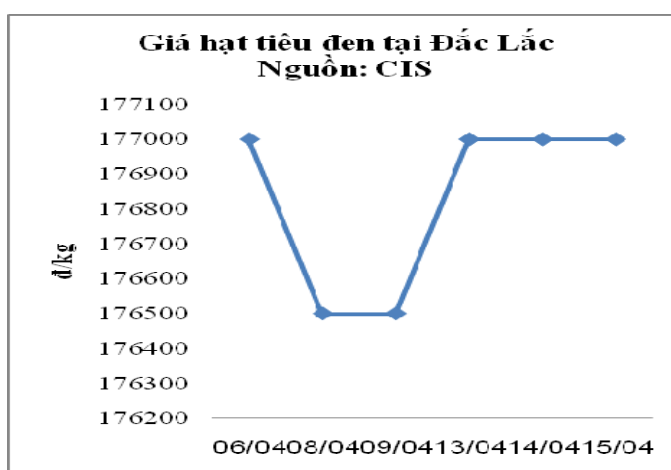
**Trương Thị Thu Phương**

# HẠT TIÊU



*Thị trường thế giới:* Giá hạt tiêu Ấn Độ ổn định trong tuần qua. Thị trường giao dịch trầm lắng, lượng hạt tiêu khu vực Cao nguyên được bán ra không nhiều. Người bán hy vọng giá hạt tiêu tăng lên mức hơn 700 Rup/đ. 67 tấn hạt tiêu đã được giao dịch trên thị trường, trong đó có 36 tấn hạt tiêu của vùng Kodagu. Giá tiêu giao ngay giữ ở mức 55.500 Rup/đ đối với tiêu xô và 58.500 Rup/đ đối với tiêu sơ chế. Trên sàn giao dịch của Hiệp hội Gia vị IPSTA, giá tiêu giao tháng 4 và tháng 5 vẫn ổn định. Giá tiêu xuất khẩu châu Âu là 9.650 USD/tấn và giá tiêu xuất khẩu sang Mỹ là 9.950 USD/tấn.

*Thị trường trong nước:* Tuần qua, giá thu mua hạt tiêu đen trong nước vẫn tiếp tục duy trì ở mức cao. Giá thu mua hạt tiêu đen tại Đắk Lắk là 177.000 đ/kg. Giá tiêu cao do nguồn cung hạn chế. Theo Hiệp hội hồ tiêu Việt Nam (VPA), năng suất hồ tiêu tại nhiều tỉnh giảm đến 40% so với vụ trước do thời tiết không thuận lợi và các vườn tiêu già cỗi đã bị suy kiệt.



Trong quý 1-2015, VPA đã có hai đợt khảo sát tại các tỉnh trồng hồ tiêu trong cả nước nhằm dự báo sản lượng vụ tiêu 2015 để trên cơ sở đó đưa ra chính sách hỗ trợ nông dân, giúp doanh nghiệp có chiến lược kinh doanh phù hợp. Kết quả khảo sát cho thấy, do ảnh hưởng của thời tiết nên năng suất trồng tiêu giảm đáng kể, có địa phương năng suất giảm đến 40% so với vụ trước. Cụ thể, Gia Lai là tỉnh chịu thiệt hại lớn nhất khi năng suất tại nhiều hộ trồng hồ tiêu giảm đến 40%, Đắk Lắk giảm 30%, Bình Phước, Đắk Nông giảm khoảng 10-15%. Tại tỉnh Đồng Nai khảo sát của VPA cho thấy, năng suất tại huyện Cẩm Mỹ giảm gần 10%, còn ở huyện Xuân Lộc là hơn 55% so với năm trước.

Theo Hiệp hội Hồ tiêu Chư Sê, tỉnh Gia Lai, năng suất hồ tiêu ở địa phương này niên vụ 2014-2015 thấp nhất trong vòng 30 năm qua. Năng suất tiêu niên vụ 2014-2015 chỉ đạt khoảng 4 tấn/ha, giảm tới 40% so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân là do thời tiết bất lợi, mưa sớm vào thời điểm cây ra hoa khiến cho tỉ lệ đậu quả thấp.

Ở một số địa bàn, năng suất có tăng lên, ví dụ tại huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa – Vũng Tàu, năng suất tăng đến 50%. Tuy nhiên, do diện tích trồng hồ tiêu đã tăng khá cao thời gian gần đây, nên VPA vẫn nhận định tổng sản lượng hồ tiêu của năm 2015 không có biến động mạnh so với năm trước. Năm 2014, sản lượng hồ tiêu cả nước theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) là 125.000 tấn.

# HẠT TIÊU



Trong những năm qua, giá hồ tiêu luôn ở mức cao nên người dân tăng diện tích trồng mới. Theo quy hoạch của Bộ NN&PTNT đến năm 2020, cả nước sẽ có 50.000 ha nhưng thực tế, diện tích trồng tiêu cả nước đã tăng lên đáng kể và vượt con số 60.000 ha.

Nhiều bà con nông dân ở Đắk Lắk đã bất chấp khuyến cáo của các nhà quản lý, các nhà khoa học ồ ạt mở rộng diện tích, đưa diện tích tiêu lên gần 16.000 ha. Do trồng tiêu chạy theo phong trào, phát triển tự phát, không theo quy hoạch, kế hoạch, nhất là sử dụng nguồn giống không rõ nguồn gốc, đất không thích hợp nên không ít vườn tiêu mới trồng đã bị nhiễm bệnh chết hàng loạt, hoặc năng suất quá thấp, gây thiệt hại lớn cho bà con nông dân.

Thậm chí, nhiều hộ gia đình còn đưa cây tiêu vào trồng ở những vùng trũng, những vùng chậm thoát nước làm cho các vườn tiêu nhanh chóng bị nhiễm các bệnh vàng lá làm chết hàng loạt. Chỉ riêng từ đầu năm 2015 đến nay, Đắk Lắk cũng đã có trên 218 ha tiêu bị bệnh chết nhanh, chết chậm, tăng 11,2 lần (tăng cả về diện tích và mức độ nhiễm bệnh) so với cùng kỳ này năm ngoái, gây thiệt hại lớn cho nông dân. Hiện nay, ngành nông nghiệp tỉnh đã hướng dẫn bà con nông dân chú ý chọn các giống tiêu rõ nguồn gốc; kỹ thuật trồng, chăm sóc; khuyến cáo bà con không đưa vào trồng ở các vùng đất trũng, vùng đất chậm thoát nước, ... Ngoài ra, ngành nông nghiệp còn thành lập tổ chỉ đạo phòng chống bệnh chết nhanh, chết chậm cho cây tiêu nhằm góp phần hạn chế thiệt hại cho bà con nông dân.

Hiện nay, tỉnh Đắk Lắk là địa phương có diện tích tiêu nhiều nhất so với các tỉnh Tây Nguyên và là một trong bảy địa phương có diện tích tiêu nhiều nhất nước. Diện tích tiêu này tập trung nhiều nhất ở các huyện Ea H'leo, Cư Kuin, Krông Năng, Cư M'gar, Krông Búk và thị xã Buôn Hồ.

Theo thông tin từ Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam, rất nhiều doanh nghiệp phản ánh hồ tiêu xuất khẩu bị trả lại nhiều, chủ yếu là tiêu thô, chiếm 85% lượng xuất khẩu, nguyên nhân do chất lượng không bảo đảm.

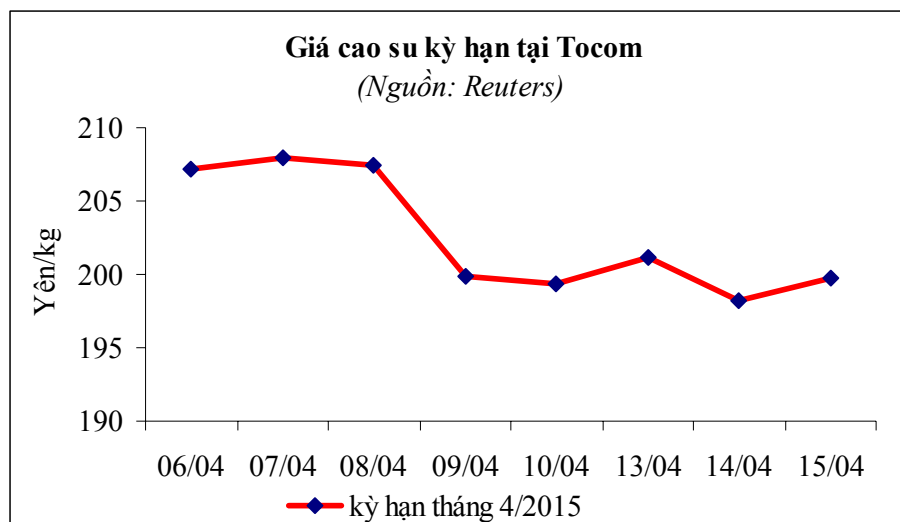
Nhiều thị trường nhập khẩu hồ tiêu Việt Nam bắt đầu siết chặt các quy định về chất lượng hồ tiêu. Hiện nay, phần lớn nông dân trồng tiêu có xu hướng trữ tiêu chờ giá cao để bán dần nên có thể họ đã sử dụng chất trừ nấm cho tiêu, bảo quản không tốt vì vậy chất lượng tiêu bán cho các doanh nghiệp xuất khẩu không đồng đều.

*Hồ Như Nguyệt*



*Thị trường thế giới:* Giá cao su thiên nhiên tại Sở Giao dịch hàng hóa Tokyo, Nhật Bản (Tocom) tuần qua đã hồi phục nhẹ sau khi tụt xuống mức thấp trong 9 tuần, do đồng Yên tiếp tục suy yếu so với đô la Mỹ. Kết thúc phiên giao dịch 15/4, giá cao su hợp đồng benchmark giao tháng 9/2015 đạt 198,8 Yên/kg, tăng 2,8 Yên so với phiên cuối tuần trước (10/4). Giá giao hợp đồng tháng 4/2015 đạt 199,8 Yên/kg, tăng 0,4 Yên so với cuối tuần trước. Giá dầu thô tăng mạnh cũng đã kéo theo giá cao su thế giới tăng, mặc dù không khí giao dịch trầm lắng do số liệu ảm đạm của nền kinh tế Trung Quốc – nước tiêu thụ cao su hàng đầu thế giới. Tăng trưởng kinh tế hàng năm của Trung Quốc sẽ chậm lại xuống mức thấp 6 năm, ở mức 7% trong quý I/2015 do nhu cầu trong và ngoài nước giảm, điều này làm gia tăng hy vọng chính sách kích cầu được thực hiện nhiều hơn nhằm ngăn chặn sự suy giảm mạnh.

Theo Tổng cục cao su Ấn Độ, sản lượng cao su thiên nhiên của Ấn Độ có thể tăng 14,5% trong năm tài chính 2015/16 bắt đầu từ ngày 01/4/2015, lên 750.000 tấn; trong khi tiêu thụ sẽ tăng 4,1%, lên mức cao kỷ lục là 1,06 triệu tấn. Tuy nhiên, sự gia tăng sản lượng không đủ đáp ứng nhu cầu nội địa và các nhà sản xuất lốp xe vẫn duy trì nhập khẩu trong năm 2015/16 do giá trên thị trường thế giới giảm xuống mức thấp. Trước đó, sản lượng cao su của Ấn Độ năm 2014/15 đã giảm 15,4% so với cùng kỳ năm trước và nhập khẩu tăng 15,6% lên mức cao kỷ lục 416.554 tấn. Ấn Độ mua cao su thiên nhiên nhiều nhất từ Thái Lan, Ma-lai-xia, In-đô-nê-xia và Việt Nam.



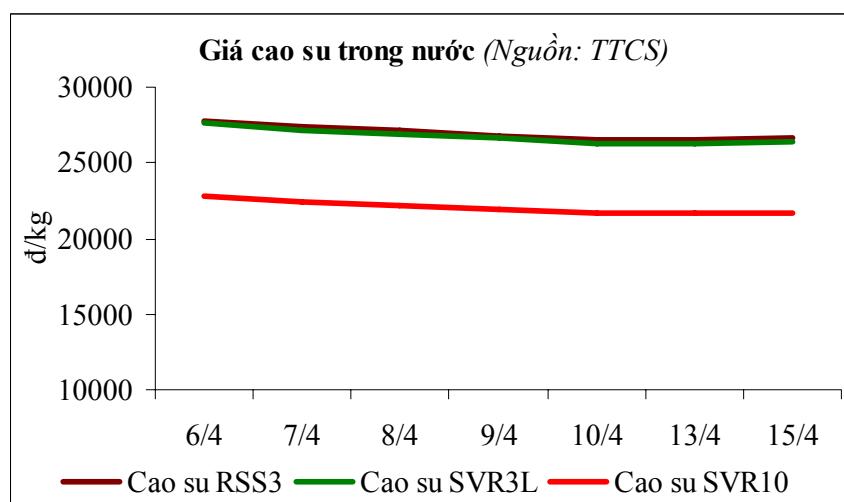
# CAO SU



*Thị trường trong nước:* Xu hướng giảm vẫn tiếp diễn trên thị trường cao su trong nước, tuy mức giảm tuần qua không nhiều. Giá cao su các loại tại Bình Phước, Gia Lai, Đồng Nai, Bình Dương giảm nhẹ từ 200 – 300 đ/kg. Cụ thể: cao su RSS3 giảm từ 26.800 đ/kg xuống còn 26.600 đ/kg; cao su SVR10 giảm từ 21.900 đ/kg xuống 21.700 đ/kg; cao su SVR 3L giảm từ 26.600 đ/kg xuống còn 26.400 đ/kg.

Trong tuần từ 06/4 - 10/4/2015, giá cao su Việt Nam xuất khẩu chào bán không thay đổi so với tuần trước, giá SVR 3L xuất khẩu chào bán vẫn là 1.580 USD/tấn. Trong tháng 4/2015, kết thúc tuần đầu tiên, giá SVR 3L của Việt Nam xuất khẩu chào bán đạt trung bình 1.580 USD/tấn, bằng với mức giá trung bình trong tháng 3/2015, nhưng giảm 508 USD/tấn (-24,3%) so với tháng 4/2014.

Giá cao su xuất khẩu sang Trung Quốc đang trong giai đoạn không ổn định do thời kỳ giáp vụ, nguồn cung tăng, giảm thất thường. Trong những ngày đầu tuần qua, giá sản phẩm cao su hỗn hợp loại 1 tăng 200 Nhân Dân Tệ/tấn so với tuần trước, lên 9.500 NDT/tấn, nhưng đến cuối tuần giá lại giảm xuống chỉ còn 9.350 NDT/tấn. Ở cả ba cửa khẩu chủ chốt thường xuyên có giao dịch cao su cũng không đồng nhất về giá do các doanh nghiệp và thương nhân thỏa thuận riêng. Hiện tại đang vào thời kỳ giáp vụ, nguồn cung cao su nguyên liệu để chế biến thành cao su hỗn hợp xuất khẩu sang Trung Quốc không ổn định.

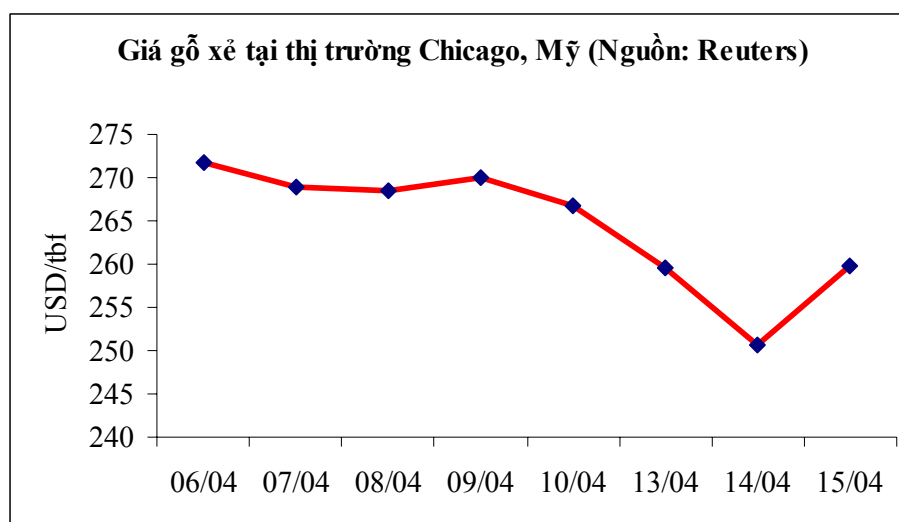


*Nguyễn Lan Anh*

# GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ



*Thị trường thế giới:* Giá gỗ xẻ giao kỳ hạn tại Sở Giao dịch Chicago, Mỹ tiếp tục xu hướng giảm trong hầu hết các phiên và bất ngờ hồi phục nhẹ trong phiên 15/4. Kết thúc phiên giao dịch 14/4, giá giao kỳ hạn tháng 5/2015 giảm xuống chỉ còn 250,6 USD/tbf, giảm 16,2 USD so với phiên cuối tuần trước (10/4), sau đó hồi phục lên 259,7 USD/tbf lúc đóng cửa phiên 15/4.



Trung Quốc hiện là nhà sản xuất, xuất khẩu và đồng thời là thị trường tiêu thụ lớn nhất các sản phẩm nội thất bằng gỗ trên toàn cầu. Trong năm 2014, xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 217 triệu chiếc, tăng 10%, kim ngạch đạt 14,05 tỷ USD, tăng 14% so với năm 2013. Trong cơ cấu sản phẩm nội thất xuất khẩu của Trung Quốc năm 2014, mặt hàng ghế khung gỗ xuất khẩu đạt 8,05 tỷ USD, tăng 14% so với năm 2013. Đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu của Trung Quốc chủ yếu sang các thị trường như Mỹ, Anh, Ô-x-trây-li-a, Đức và Pháp.

Bên cạnh đó, thị trường Trung Quốc có xu hướng ngày càng tăng nhập khẩu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ trong vòng 10 năm qua. Kim ngạch nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ trong năm 2014 tăng gấp 10 lần so với năm 2005. Theo Hải quan Trung Quốc, kim ngạch nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc trong 2 tháng đầu năm nay đạt 126,5 triệu USD, tăng 6,7%, với đơn giá nhập khẩu trung bình đạt 93,7 USD/chiếc, tăng 3,3% so với cùng kỳ năm 2014.

Theo Hiệp hội các nhà nhập khẩu gỗ và ngành gỗ Tây Ban Nha (AEIM), nhập khẩu gỗ xẻ và sản phẩm gỗ của Tây Ban Nha được dự báo sẽ ổn định trong năm nay, ở mức thấp đạt được trong năm 2014. Ngành công nghiệp chế biến gỗ của Tây Ban Nha đang hưởng lợi nhờ sự cạnh tranh lớn hơn trên đấu trường quốc tế, tạo điều kiện gia tăng xuất khẩu gỗ. Ở Tây Ban Nha, tốc độ hiện đại hóa trong xây dựng nhà cao tầng tăng đang thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ gỗ xẻ. Tuy nhiên, trên thực tế lại không có tác nhân kích thích do nhu cầu xây dựng nhà ở thấp.



# GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ



## *Thị trường trong nước:*

Trong cơ cấu các mặt hàng sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu trong 2 tháng đầu năm 2015, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ đạt cao nhất, với 215,2 triệu USD, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm 2014. Các mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ trong 2 tháng đầu năm nay bao gồm: giường ngủ và các bộ phận của giường ngủ đạt 104,3 triệu USD, tăng 14,3% so với cùng kỳ năm 2014; tủ đạt 58,3 triệu USD, tăng 2,7%; bàn trang điểm đạt 14,9 triệu USD, tăng 15,2%; tủ đầu giường đạt 14,4 triệu USD, tăng 28,4%; bàn ghế đạt 9,4 triệu USD, tăng 1,2%; nôi em bé đạt 4,5 triệu USD, tăng 27,7%; tủ quần áo đạt 4,4 triệu USD, tăng 2,5%; kệ đạt 1,8 triệu USD, giảm 47,9%; móc áo đạt 1,2 triệu USD, giảm 25,9%,...



Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng dăm gỗ đạt 192,7 triệu USD, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Mặt hàng dăm gỗ của Việt Nam chủ yếu là xuất khẩu vào thị trường châu Á như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Sing-ga-po,...

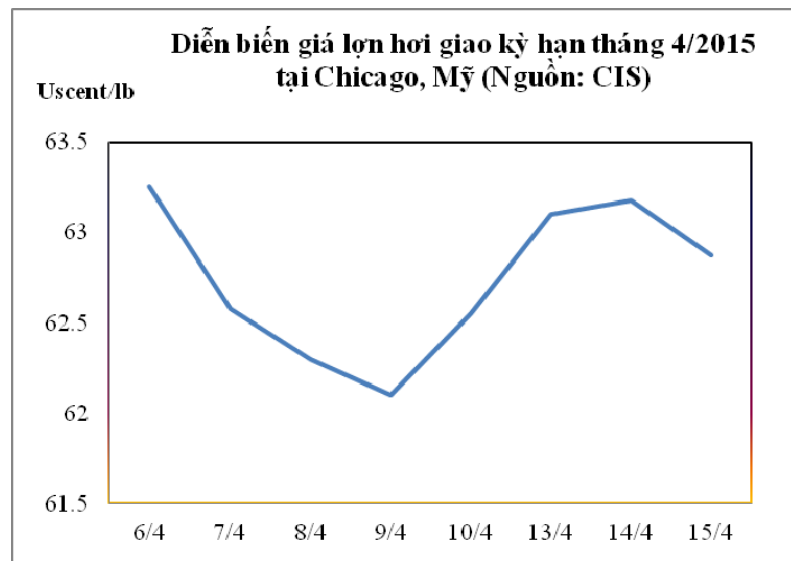
Tiếp đến là đồ nội thất phòng khách và phòng ăn, với kim ngạch xuất khẩu trong 2 tháng đầu năm nay đạt 189,1 triệu USD, tăng 26,3% so với cùng kỳ năm ngoái và chiếm 19,6% tổng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ của cả nước. Các mặt hàng xuất khẩu chính là: bàn ghế ăn đạt 97,7 triệu USD, tăng 22,8%; tủ đạt 60,7 triệu USD, tăng 25,8%; kệ tivi đạt 4,4 triệu USD, tăng 18,5%; kệ đạt 4,2 triệu USD, tăng 6,3%; bàn ăn đạt 3,8 triệu USD, tăng 6,8%; tủ thờ đạt 2,3 triệu USD, tăng 2%; kệ sách đạt 2,1 triệu USD, tăng 81,4%; bàn cà phê đạt 1,8 triệu USD, tăng 30,7%; tủ chén đạt 1,5 triệu USD, tăng mạnh 246,4%,...

*Nguyễn Lan Anh*

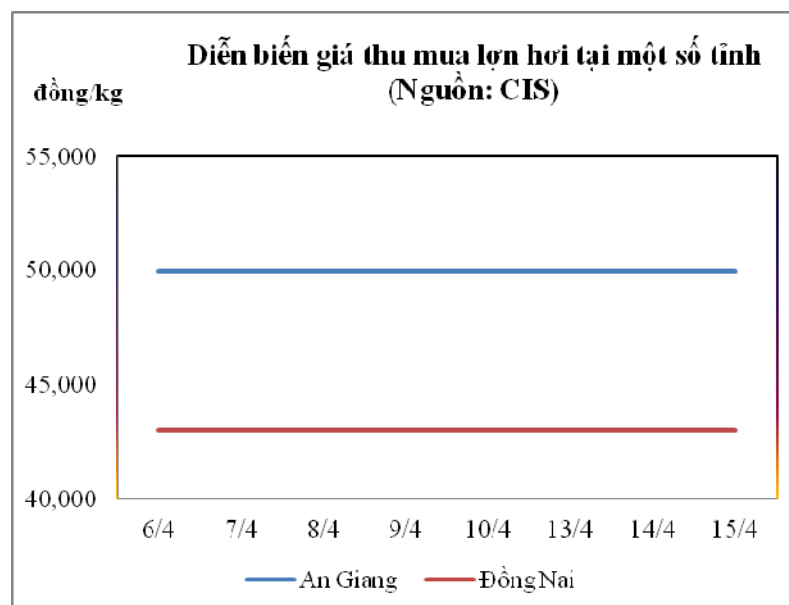
# THỊT



*Thị trường thế giới:* Tại thị trường Chicago, Mỹ, giá lợn hơi giao kỳ hạn tháng 4/2015 nhìn chung đang diễn biến theo xu hướng giảm. Chốt phiên giao dịch ngày 15/4, giá lợn hơi đạt 62,875 Uscent/lb, giảm 0,225 Uscent/lb so với mức giá đạt được vào cuối phiên giao dịch hồi đầu tuần (13/4) và giảm 0,375 Uscent/lb so với mức giá đạt được vào cuối phiên giao dịch đầu tuần trước. Hợp đồng giao kỳ hạn tháng 4/2015 đã kết thúc vào ngày 15/4/2015. Giá gia súc sống và giá bán buôn thịt lợn giảm đã đặt áp lực lên giá kỳ hạn tháng 5 và tháng 6. Điều này sẽ thu hút sự chú ý của các nhà đầu tư sau khi kỳ hạn tháng 4 kết thúc.



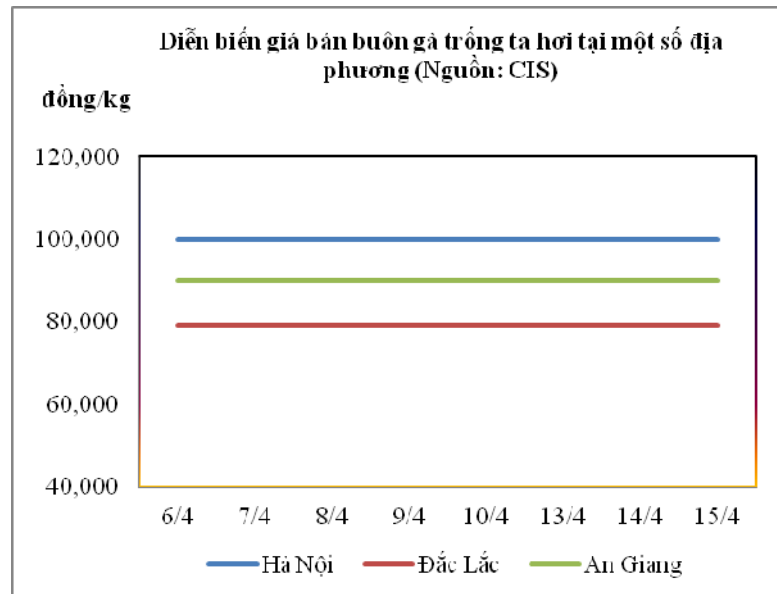
*Thị trường trong nước:* Giá thu mua lợn hơi tại nhiều tỉnh phía Nam nhìn chung không thay đổi so với tuần trước bởi nguồn cung và sức mua ổn định. Tại An Giang, giá thu mua lợn hơi hiện đạt 50.000 đ/kg; Đồng Nai 43.000 đ/kg. Còn tại Nam Định, giá bán buôn lợn hơi đang duy trì ở mức 41.000 – 42.000 đ/kg.



# THỊT



Về giá gia cầm, giá bán buôn gà ta nhìn chung không có biến động so với tuần trước. Cụ thể là, giá bán buôn gà trống ta hơi tại chợ Hà Vĩ, Hà Nội ổn định ở mức 100.000 đ/kg, Đắc Lắc 79.000 đ/kg, An Giang 90.000 đ/kg; Vĩnh Long 75.000 đ/kg (giá thu mua); gà ta tại Đồng Nai duy trì mức giá 80.000 đ/kg.



Đối với gà công nghiệp, theo thông tin từ một số chủ trang trại nuôi gà công nghiệp ở Đồng Nai, giá bán loại gà này hiện đang ở mức thấp. Gà xuất chuồng tại trại chỉ bán được với giá 21.000 đồng/kg, trong khi đó giá thành sản xuất bình quân đối với loại gà này hiện vào khoảng 30.000 đồng/kg. Tính ra, với mỗi kg gà bán ra, nông dân lỗ tới 9.000 đồng. Những trang trại nuôi gia công cho các công ty lớn tuy có giá bán tốt hơn một chút, nhưng vẫn đang thấp hơn so với giá thành. Như vậy, dân nuôi gà công nghiệp đều đang ít nhiều bị thua lỗ, có nhiều trang trại thua lỗ nặng nề. Mặc dù vậy, mức giá trên vẫn chưa phải thấp nhất kể từ đầu năm đến nay. Sỡ dĩ giá gà công nghiệp đang xuống quá thấp là do ảnh hưởng từ nhu cầu tiêu thụ gia cầm nói chung giảm xuống sau tết và do các sản phẩm gà đông lạnh có giá rẻ được nhập khẩu về nhiều. Giá gà đông lạnh nhập khẩu về tới Việt Nam chỉ khoảng 20.000 đồng/kg. Trước sức tấn công về giá của gà đông lạnh nhập khẩu, giá gà công nghiệp buộc phải giảm mạnh.

Do liên tục bị thua lỗ trong nhiều tháng qua, hầu hết các trang trại nuôi gà công nghiệp ở Đông Nam bộ đã phải chuyển sang trạng thái hoạt động cầm chừng. Nếu như trước đây, mỗi năm họ nuôi 5-6 lứa gà, thì nay chỉ còn khoảng 3 lứa. Hiện các hộ chăn nuôi gà công nghiệp đang kỳ vọng rằng sau một thời gian, khi sản lượng gà công nghiệp trong nước giảm nhiều do các trang trại giảm lứa nuôi, giảm quy mô đàn hay thậm chí tạm ngưng nuôi, giá gà sẽ lại tăng lên.

*Trương Thị Thu Phương*



*Thị trường thế giới:* Các nhà chế biến cá hộp ở Bangkok đang mua cá ngừ vằn với giá 1.000 – 1.010 USD/tấn. Theo 1 nguồn tin ở Mỹ, một số nhà máy đóng hộp đang mua cá ngừ với giá 950 USD/tấn - gần mức đáy của thị trường. Mức giá thấp sẽ gây thiệt hại cho các chủ tàu trong khi không làm nhu cầu cá ngừ hộp tăng.

Nhu cầu cá ngừ hộp và thăn cá ngừ đông lạnh thấp. Người mua chưa quay trở lại thị trường và hoạt động kinh doanh rất ảm đạm.

Một nguồn tin ở Châu Á dự đoán giá có thể xuống thấp hơn trước khi phục hồi. Nếu giá giảm thêm, các tàu bắt đầu thu hẹp khai thác, dẫn tới nguồn cung giảm. Nếu hoạt động khai thác bị thu hẹp trong tháng 5, việc đóng cửa khai thác bằng thiết bị dò cá (FAD) ở khu vực Trung Tây Thái Bình Dương (WCPO) sẽ bắt đầu vào tháng 7 và kéo dài 4 tháng. Sau khi đóng cửa khai thác sử dụng FAD ở WCPO, sẽ đóng cửa khai thác ở khu vực thuộc quản lý của Ủy ban Cá ngừ nhiệt đới liên Châu Mỹ (IATTC).

Các nhà máy đóng hộp ở Ecuador cũng đang lo ngại vì hoạt động khai thác diễn ra khá tốt ở khu vực Đông Nhiệt đới Thái Bình Dương (ETP) và nguồn cung cá nguyên liệu tăng mạnh đến nỗi không còn chỗ để bảo quản.

Duy chỉ có ở Tây Ban Nha – giá cá ngừ ổn định hơn so với các nơi khác. Một nhà máy đóng hộp cá ngừ lớn ở Tây Ban Nha cho biết, các nhà máy đang tăng cường dự trữ cá nguyên liệu để phục vụ nhu cầu trong mùa hè.

Về giá cá hồi, tại Na Uy, cá hồi nuôi có cỡ cao kỷ lục là 5,12 kg/con, tăng 5% so với năm trước, nên tổng sản lượng sẽ tăng so với dự kiến. Nguyên nhân được đưa ra là do Na Uy cho phép người dân tăng diện tích nuôi cá biển. Khối lượng thu hoạch tăng cũng có nghĩa là chi phí trung bình cho mỗi pao cá giảm. Khi các yếu tố khác đều giữ nguyên thì sản lượng cao gây áp lực về giá. Người thu mua mua theo khối lượng chứ không mua theo con. Với trọng lượng trung bình của mỗi con cá cao hơn, sẽ có nhiều cá bị để lại, để thu hoạch sau. Khi đó áp lực lên giá lại tăng. Trong khi đó, giá cá hồi ổn định hoặc có thể tăng nhẹ trong tuần tới. Giá ổn định ở mức khoảng 39,5 - 40 NOK /kg ở miền bắc Na Uy, và 40,50-41 NOK / kg ở miền Nam. Giá cá 6 kg trở lên thấp hơn khoảng 1 NOK. Xuất khẩu cá hồi sang châu Âu đang tăng trưởng tốt. (NOK: Curren Naud tương đương 2774 VNĐ)

Về giá tôm, Trung Quốc cho rằng giá tôm thẻ chân trắng sẽ không tăng vào cuối năm nay do nhu cầu thị trường suy giảm. Tháng này, giá tôm đã giảm xuống nhiều mức khác nhau so với tháng trước. Giá ở khu vực Đồng bằng sông Châu đã giảm 3 rub xuống 6 rub/jin (1 jin = 0,5 kg), ở Zangpu giảm 2 rub xuống còn 8 rub/jin, Qishui giảm 1 rub xuống còn 2 rub/jin và ở Hainan giảm 4 rub xuống còn 5 rub/jin.

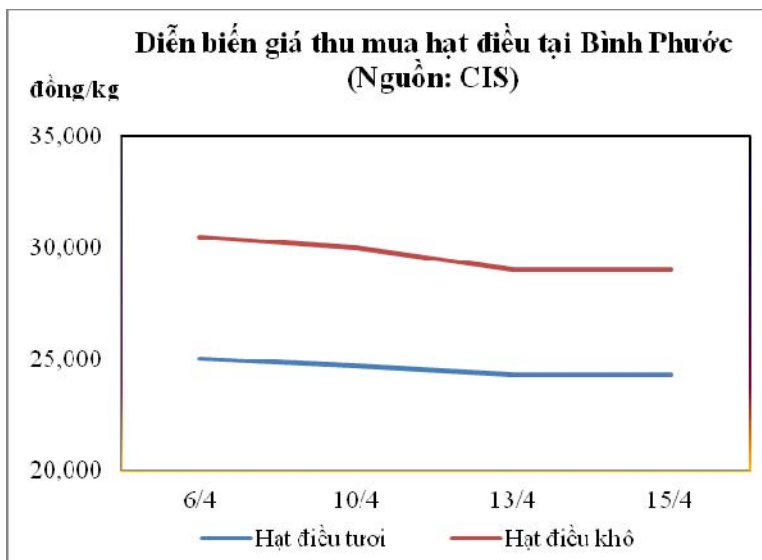
Trong vài ngày qua các nhân viên của nhiều công ty đã nghỉ phép thường niên khiến nhu cầu giảm mạnh kéo theo lượng bán ra cũng sụt giảm. Giá tôm có khả năng sẽ còn tiếp tục sụt giảm đến cuối năm nay.

# THỦY SẢN



*Thị trường trong nước:*  
Giá thu mua cá tra tại ruộng ở An Giang tiếp tục duy trì mức giá ổn định của tuần trước là 23.000 đ/kg.

Giá tôm tại một số tỉnh phía Nam đang có xu hướng giảm nhẹ so với tuần trước do nguồn cung dồi dào, nhu cầu tiêu thụ giảm và xuất khẩu giảm. Cụ thể là, giá tôm sú ướp đá loại 30 con/kg và loại 40 con/kg tại Cà Mau có mức giảm lần lượt là 10.000 đ/kg và 5.000 đ/kg; tại Bạc Liêu mức giảm lần lượt là 6.000 đ/kg và 1.000 đ/kg.



Giá tôm sú ướp đá tại Cà Mau và Bạc Liêu

DVT: đồng/kg

| Cỡ (con/kg) | Bạc Liêu |         | Cà Mau               |                      |
|-------------|----------|---------|----------------------|----------------------|
|             | 8/4      | 13/4    | 8/4                  | 13/4                 |
| 30          | 198.000  | 192.000 | 205.000 –<br>210.000 | 190.000 –<br>200.000 |
| 40          | 134.000  | 133.000 | 165.000 –<br>175.000 | 160.000 –<br>170.000 |

Cùng chung xu hướng giảm giá với tôm sú, giá thu mua tôm thẻ chân trắng ở các kích cỡ 120 – 40 con/kg tại Cà Mau cũng đã giảm nhẹ so với tuần trước, mức giảm dao động từ 1.000 – 8.000 đ/kg.

Giá thu mua tôm thẻ chân trắng mua tại đầm ở Cà Mau

DVT: đồng/kg

| Cỡ (con/kg) | 8/4     | 13/4    |
|-------------|---------|---------|
| 130         | 78.000  | 78.000  |
| 120         | 80.000  | 79.000  |
| 110         | 82.000  | 80.000  |
| 100         | 88.000  | 86.000  |
| 90          | 96.000  | 90.000  |
| 80          | 103.000 | 95.000  |
| 70          | 110.000 | 105.000 |
| 60          | 115.000 | 110.000 |
| 50          | 125.000 | 120.000 |
| 40          | 148.000 | 140.000 |

(Nguồn: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Cà Mau)

# THỦY SẢN



Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (Vasep) cho biết Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Mỹ (FDA) đang tập trung kiểm tra dư lượng kháng sinh trong tôm nhập khẩu vào nước này. Tính đến hết tháng 2-2015, FDA đã từ chối nhập khẩu 107 lô tôm, tăng 224% so với cùng kỳ năm 2014. Số lô tôm bị FDA từ chối tương đương 1/3 tổng lô tôm bị từ chối trong năm 2014, cao nhất trong vòng 10 năm qua. Malaysia, Ấn Độ, Việt Nam và Trung Quốc là những nước có lô hàng tôm xuất khẩu bị Mỹ từ chối nhập.

Tham khảo giá xuất khẩu thủy sản sang một số thị trường chính tuần từ 06/4-12/04/2015

| Mặt hàng   | ĐVT   | Lượng   | Đơn giá | Thị trường          |
|--|-------|---------|---------|---------------------|
| Thịt cá ngừ đóng lon sắt 603x408                 | thùng | 1470    | 38,61   | Hoa Kỳ              |
| Thịt hén đông lạnh                               | kg    | 1464    | 1,95    | Hoa Kỳ              |
| Thịt cá xay đông lạnh (SURIMI)                   | kg    | 20000   | 2,17    | Hàn Quốc (Cộng Hòa) |
| Tôm mũ ni vỏ đông lạnh, kích cỡ 4/6              | kg    | 163,2   | 21,00   | Trung Quốc          |
| Tôm sú tươi nguyên con đông lạnh, kích cỡ 8/10   | kg    | 254,8   | 20,05   | Trung Quốc          |
| Tôm thẻ không đầu còn vỏ đông lạnh, kích cỡ 8/12 | kg    | 2000    | 15,40   | Đức                 |
| Cá Mú sống (trên 500gr/con)                      | kg    | 5000    | 9,00    | Hồng Kông           |
| Cá ngừ cắt khúc đông lạnh, kích cỡ 6,8OZ         | kg    | 2333,56 | 7,05    | Canada              |
| Thịt ghe ngâm nước muối đóng lon                 | thùng | 9750    | 10,00   | Anh                 |

(Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương Mại)

**Trương Thị Thu Phương**

# RAU QUẢ



*Thị trường thế giới:* Theo thông tin từ các phương tiện truyền thông Pakistan, các nước nhập khẩu lớn quả chà là tươi và khô từ Pakistan là Ấn Độ, Mỹ, Anh, Canada, Đức, Đan Mạch, Malaysia và Indonesia. Tính đến thời điểm hiện tại, xuất khẩu chà là của quốc gia này là 89.000 tấn, tương đương với 32 triệu USD. Pakistan hiện là một trong những nước sản xuất chà là lớn trên thế giới, sau Ai Cập, Ả rập, Iran, và UAE. Mùa tiêu thụ chà là cao điểm trong năm là tháng lễ Ramadan, Giáng sinh, lễ hội Diwali và lễ hội tôn giáo khác.

Theo báo cáo gần đây, sản lượng nông nghiệp của Serbia năm 2014 đạt 6 tỷ euro với mức thặng dư thương mại đối với mặt hàng nông sản tăng 9,1%. Trong đó phải kể đến một số mặt hàng rau chính của quốc gia này như ngô, củ cải đường. Dự kiến năm 2015 sản lượng mặt hàng này tăng do diện tích được mở rộng ví dụ như diện tích củ cải đường năm 2015 đạt 70.000ha.

*Thị trường trong nước:* Tại Hậu Giang, dù chưa vào mùa thu hoạch rộ nhưng thương lái vẫn tất bật đến nhà vườn để thu mua mít giao cho các chợ. Hiện mít loại 1 (7kg/trái trở lên) được thu mua với giá từ 11.000 – 13.000đ/kg; loại 2 (dưới 7 kg) được mua với giá 6.000 – 7.000đ/kg. Giá có giảm hơn so với cách đây hơn 1 tuần khoảng 2.000đ/kg, nhưng vẫn cao hơn chút ít so với năm ngoái. Với mức giá này người trồng mít có lãi ở mức tương đối cao.

Tại Hải Dương, thời điểm hiện tại, người dân trồng ổi ở Thanh Hà điều đứng vì giá ổi xuống thấp kỷ lục, chỉ còn khoảng 3.000đ/kg. Với mức giá đó mà nhiều hộ vẫn chưa bán được hàng. Cùng kỳ năm ngoái, ổi có giá từ 10.000 đến 13.000đ/kg, gấp 2- 3 lần so với năm nay. Nguyên nhân chủ yếu là do vụ ổi này chất lượng chưa cao, vị ổi nhạt, bết lòng, thị trường tiêu thụ chậm, dẫn đến hàng hóa bị dồn ứ. Được



biết từ năm 2009-2010, do cây vải thất thu nên người dân Liên Mạc rủ nhau trồng thêm cây ổi. Đến nay, toàn xã đã có hơn 400 ha đất trồng ổi, tăng hơn chục ha so với năm ngoái. Song một vài năm trở lại đây, cây ổi Thanh Hà có hiện tượng chết rải rác do đất ngày càng xấu đi, môi trường ô nhiễm bởi thuốc trừ sâu. Mô hình trồng ổi VietGAP khoảng 6 ha cũng đã được triển khai thí điểm ở đây. Tuy nhiên, ổi trồng VietGAP giá bán cao hơn nên gặp khó khăn trong khâu tiêu thụ.

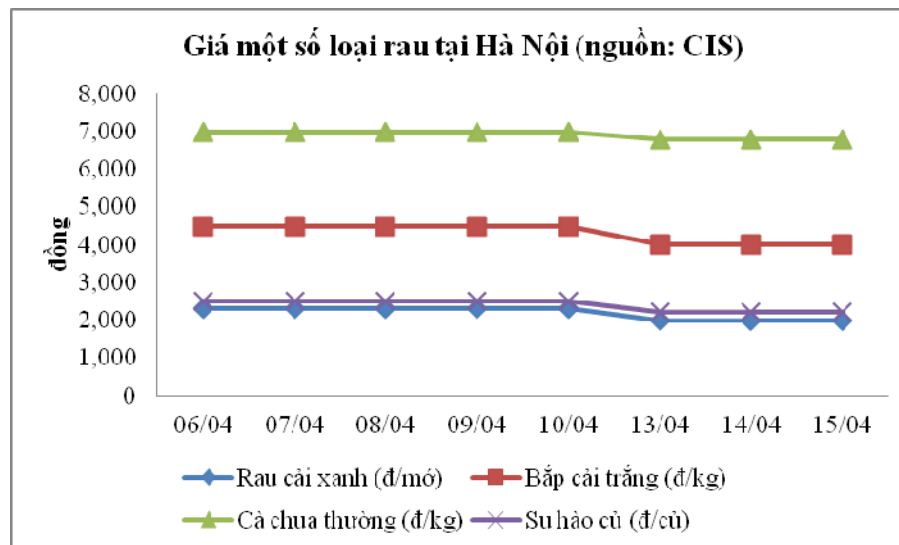




# RAU QUẢ



Ngược với xu hướng biến động giá của thị trường Lâm Đồng, giá một số rau tại Hà Nội trong tuần qua có xu hướng giảm. Cụ thể, rau cải xanh giảm 200đ/mớ, cà chua giảm 200 đ/kg, su hào giảm 300đ/củ so với tuần trước do thời tiết tương đối thuận lợi giúp cho nguồn cung rau của một số vùng rau các vùng lân cận Hà Nội gia tăng.



Theo số liệu Tổng cục Hải quan, trong tuần qua, loại trái cây tươi chính được xuất khẩu là thanh long và chanh dây. Thanh long được xuất khẩu sang Hungary và Ấn Độ với mức giá là bình quân từ 1-2 USD/kg. Chanh dây được ưa chuộng tại Đức với mức giá xuất khẩu là 1.1 USD/kg. Bên cạnh đó cũng có nhiều mặt hàng trái cây xuất khẩu khác nhưng đa phần ở dạng đông lạnh như xoài đông lạnh, dứa cắt miếng đóng hộp, cơm dừa sấy khô...



*Chu Diễm Hằng*

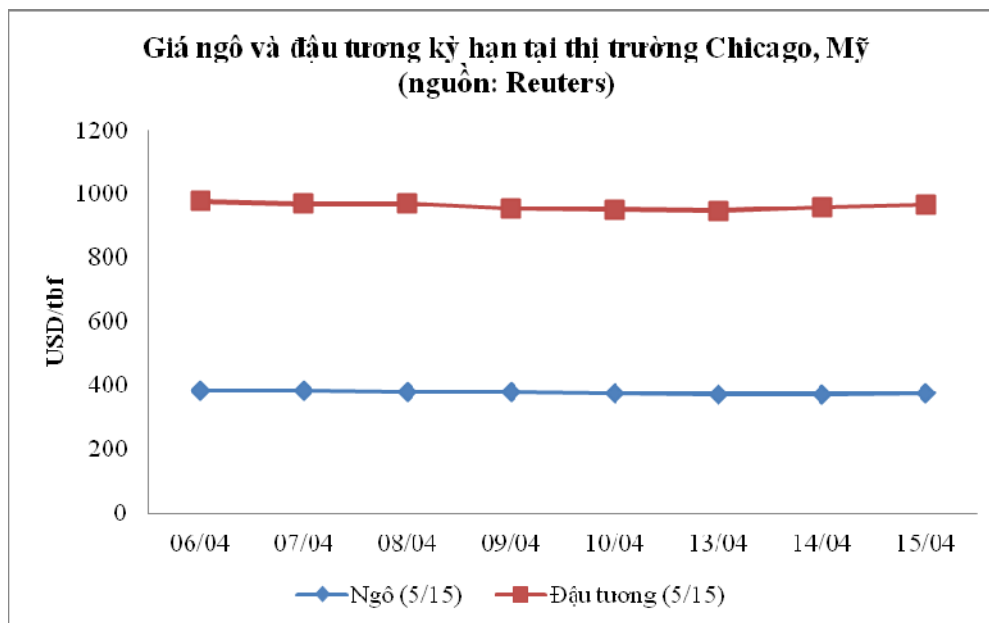
# THỨC ĂN CHĂN NUÔI



*Thị trường thế giới:* Theo báo cáo gần đây, Peru, nhà sản xuất bột cá lớn nhất thế giới, dự kiến sẽ tăng xuất khẩu 33% trong năm nay lên 400 triệu USD, nhờ vào sản xuất lớn hơn và nhu cầu ngày càng gia tăng từ Trung Quốc. Được biết, Trung Quốc dự kiến sẽ mua nhiều bột cá để sử dụng làm thức ăn chăn nuôi do nhu cầu tăng trưởng thịt lợn trong năm. Giá bột cá toàn cầu có thể tăng 50 USD/tấn trong năm nay từ mức hiện tại 1.200 USD/tấn.

Tại Sở giao dịch Chicago, Mỹ, giá đậu tương Mỹ sau 3 ngày giảm giá đầu tuần trước, giữa tuần giá mặt hàng này đã tăng liên tiếp phiên thứ ba vào hôm thứ 5 (16/4), hướng tới mức cao 1 tuần, do hoạt động mua kỹ thuật và nhu cầu thức ăn chăn nuôi trong nước tăng mạnh. Giá hiện tại là 376 UScent/bushel, tăng 6 UScent/bushel cách đây 2 ngày.

Biến động khá tương tự, thị trường ngô cũng tăng tại phiên thứ 3 trong tuần qua đạt mức giá 965 UScent/bushel, tăng 17 UScent/bushel so với phiên giao dịch cách đây 2 ngày.



# THỨC ĂN CHĂN NUÔI



Dưới đây là dự báo cung cầu ngô và đậu tương thế giới niên vụ 2014/15 của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) trong tháng 4/2015 (Đvt: triệu tấn )

## Mặt hàng ngô

| 2014/15          | Dự trữ đầu vụ | Cung      |           | Tiêu thụ   |         |           | Dự trữ cuối vụ |
|------------------|---------------|-----------|-----------|------------|---------|-----------|----------------|
|                  |               | Sản lượng | Nhập khẩu | Ngành TACN | Nội địa | Xuất khẩu |                |
| Thế giới         | 170,84        | 991,92    | 114,62    | 596,07     | 974,31  | 117,69    | 188,46         |
| Mỹ               | 31,29         | 361,09    | 0,64      | 133,36     | 300,88  | 45,72     | 46,42          |
| Các nước còn lại | 139,55        | 630,83    | 113,99    | 462,71     | 673,43  | 71,97     | 142,04         |
| Nước XK chủ yếu  | 22,36         | 110,3     | 0,84      | 58,8       | 77,1    | 36,2      | 20,19          |
| Argentina        | 1,21          | 24        | 0,01      | 6,1        | 9,4     | 15        | 0,82           |
| Brazil           | 18,97         | 75        | 0,8       | 47,5       | 56,5    | 20,5      | 17,77          |
| Nam Phi          | 2,17          | 11,3      | 0,03      | 5,2        | 11,2    | 0,7       | 1,6            |
| Nước NK chủ yếu  | 18,14         | 132,22    | 64,7      | 138,9      | 191,88  | 3,8       | 19,38          |
| Ai Cập           | 2,39          | 5,96      | 7,5       | 11,5       | 13,9    | 0,01      | 1,94           |
| EU-27            | 6,42          | 74,16     | 8         | 59,5       | 78,5    | 2,5       | 7,58           |
| Nhật Bản         | 0,55          | 0         | 15,4      | 10,9       | 15,4    | 0         | 0,55           |
| Mexico           | 2,69          | 24        | 10        | 16,8       | 33,55   | 0,5       | 2,64           |
| Đông Nam á       | 3,82          | 27,91     | 10        | 28,1       | 36,1    | 0,79      | 4,85           |
| Hàn Quốc         | 1,86          | 0,08      | 9,6       | 8          | 10,1    | 0         | 1,43           |
| Nước khác        |               |           |           |            |         |           |                |
| Canada           | 1,6           | 11,5      | 1,5       | 7,5        | 12,9    | 0,5       | 1,2            |
| Trung Quốc       | 77,32         | 215,5     | 3         | 158        | 216     | 0,1       | 79,72          |
| FSU-12           | 3,24          | 43,47     | 0,42      | 20,19      | 23,01   | 20,76     | 3,35           |
| Ukraine          | 2,24          | 28,45     | 0,05      | 9          | 10,4    | 18        | 2,34           |

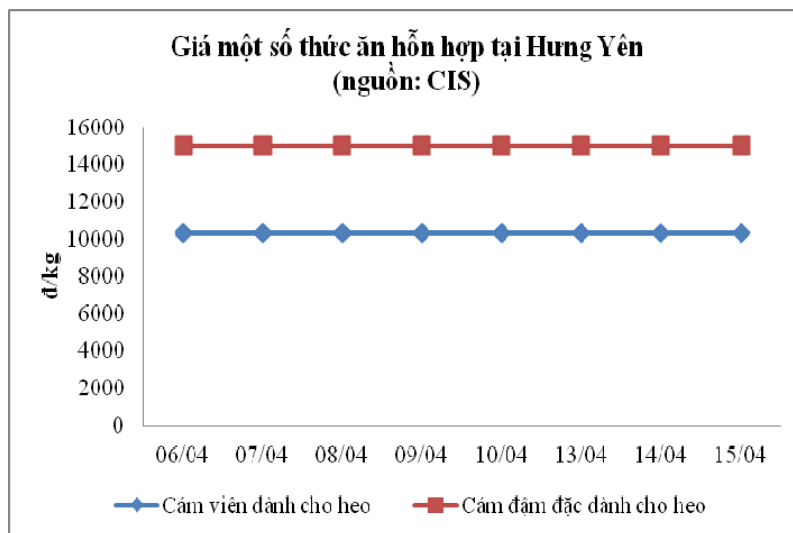
# THỨC ĂN CHĂN NUÔI



## Mặt hàng đậu tương

| 2014/2015     | Dự trữ đầu vụ | Cung   |        | Tiêu thụ  |         |        | Dự trữ cuối vụ |
|---------------|---------------|--------|--------|-----------|---------|--------|----------------|
|               |               | SL     | NK     | Nghiền ép | Nội địa | XK     |                |
| Thế giới      | 66,32         | 315,46 | 114,21 | 253,99    | 288,92  | 117,52 | 89,55          |
| Mỹ            | 2,5           | 108,01 | 0,82   | 48,85     | 52,56   | 48,72  | 10,06          |
| Các nước khác | 63,81         | 207,45 | 113,4  | 205,13    | 236,36  | 68,8   | 79,49          |
| Nước XK chính | 45,63         | 163,5  | 0,31   | 80,58     | 86,95   | 62,08  | 60,41          |
| Argentina     | 29            | 57     | 0      | 39,18     | 42,28   | 8      | 35,72          |
| Brazil        | 16,53         | 94,5   | 0,3    | 37,6      | 40,75   | 46     | 24,58          |
| Paraguay      | 0,08          | 8,5    | 0,01   | 3,6       | 3,7     | 4,8    | 0,09           |
| Nước NK chính | 15,32         | 15,37  | 100,3  | 97,56     | 115,25  | 0,35   | 15,39          |
| Trung Quốc    | 14,43         | 12,35  | 74     | 74,35     | 86,2    | 0,25   | 14,33          |
| EU-27         | 0,22          | 1,72   | 12,75  | 13,6      | 14,28   | 0,07   | 0,34           |
| Nhật Bản      | 0,23          | 0,21   | 2,9    | 1,97      | 3,09    | 0      | 0,25           |
| Mexico        | 0,13          | 0,29   | 4,05   | 4,25      | 4,29    | 0      | 0,18           |

*Thị trường trong nước:* Tuần qua, mức giá một số loại thức ăn chăn nuôi hỗn hợp vẫn duy trì ở mức giảm của 2 tuần trước. Với xu hướng giảm giá nguyên liệu thức ăn gia súc trên thế giới, giá một số loại thức ăn hỗn hợp dành cho lợn 2 tuần trước đây tại Hưng Yên giảm 200đ/kg xuống còn 10.300đ/kg. Đây là một dấu hiệu tốt cho nhiều hộ chăn nuôi lợn tại một số tỉnh phía Bắc.



Trong tuần qua, nguyên liệu thức ăn được nhập khẩu nhiều nhất là cám gạo triết ly từ Ấn Độ với mức giá là 0,16 USD/kg. Bên cạnh đó mặt hàng khô đậu tương từ Trung Quốc cũng được nhập khẩu với khối lượng tương đối lớn với mức giá là 0.47 USD/kg. Ngoài ra, một số chất phụ gia cũng được nhập khẩu để sản xuất thức ăn chăn nuôi như bột xương, bã ngô, dầu hạt cải...

# PHÂN BÓN



## Thị trường thế

giới: Thị trường Ure thế giới tiếp tục trầm lắng mặc dù được hỗ trợ bởi thông tin Ấn Độ đấu thầu mua Ure vào đầu tháng 4. Lượng Ure đấu thầu có thể lên đến 1,5 triệu tấn. Giá Ure giao ngay thị trường Yuzhny, Ucraina giữ mức 251 USD/tấn. Giá Ure tại New Orleans, Mỹ ở mức

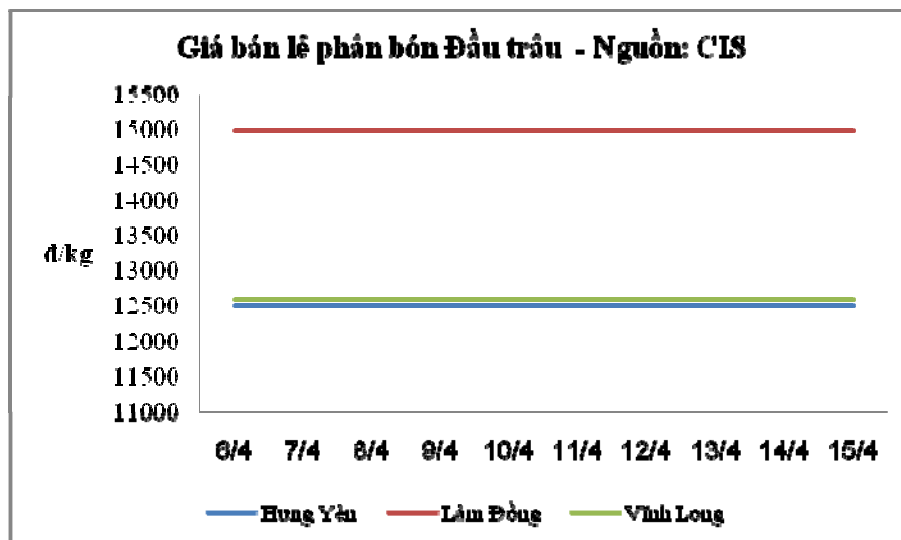
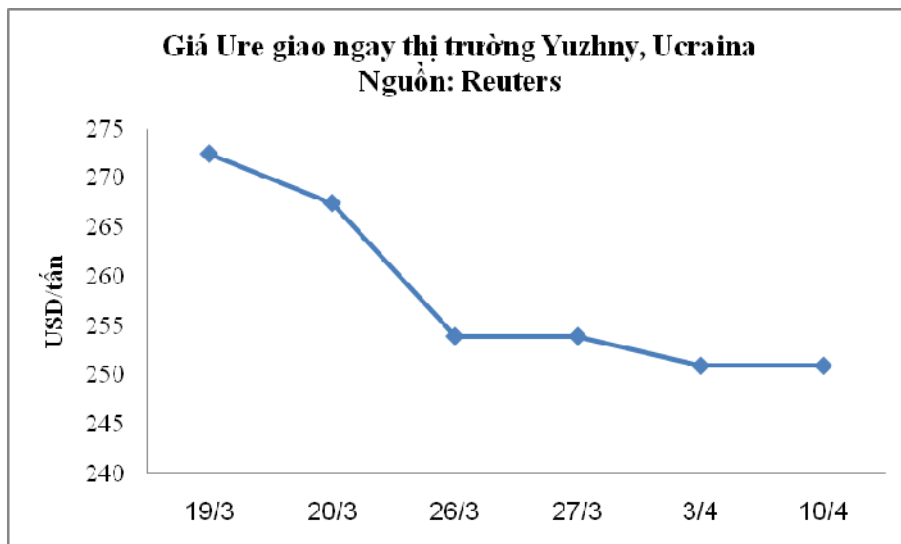
264 – 270 USD/tấn. Tại thị trường Trung Quốc, giá Ure nhà máy có xu hướng giảm. Tại Sơn Đông, giá Ure xuất xưởng giảm 20 NDT còn 1.610 NDT/tấn.

Tại thị trường Bắc Mỹ, việc vận chuyển phân DAP bằng sà lan hiện nay khá khó khăn do nước dâng cao, tình trạng sương mù và thiếu xe kéo. Tại Mỹ, thời tiết ẩm ướt và lạnh đã làm chậm lại hoạt động mua trong khi lượng nhập khẩu vẫn tăng đã gây áp lực lên giá bán. Giá phân DAP bán lẻ tăng lên mức 470 USD/tấn fob.

## Thị trường trong

nước: Thị trường phân bón trong nước vẫn tiếp tục trầm lắng, nhu cầu thấp tại hầu hết các khu vực trong cả nước. Tại một số tỉnh khu vực ĐBSCL như Sóc Trăng, Bạc Liêu, An Giang...nhu cầu phân bón cho vụ Đông Xuân thấp trong khi đó tại Kiên Giang, Cần Thơ, Hậu Giang nhu cầu

đang có dấu hiệu tăng nhẹ. Nhu cầu phân bón tại Cần Thơ ổn định do vụ Hè Thu đã xuống giống được khoảng 50 – 60% tuy nhiên giá cũng không có biến động. Tại Hà Nội, giá Ure Phú Mỹ giữ mức 9.300 đ/kg, giá phân Kali 9.150 đ/kg. Tại Hưng Yên, giá Ure Phú Mỹ là 9.000 đ/kg; giá phân Đầu Trâu 12.500 đ/kg.



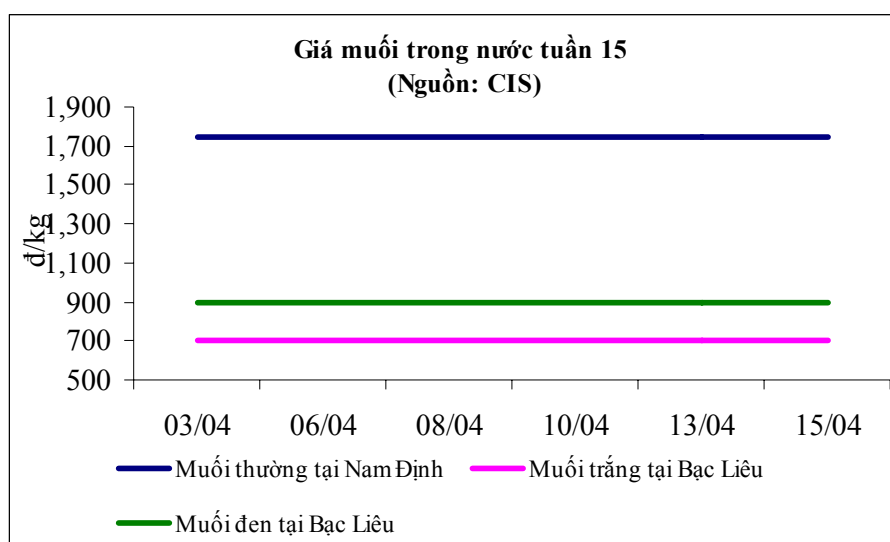
# MUỐI



Tổng diện tích sản xuất muối hiện nay tại Khánh Hòa là trên 970 ha. Tuy nhiên, việc sản xuất muối vẫn chưa thực sự mang lại hiệu quả cao đối với diêm dân do bà con vẫn duy trì nhiều diện tích sản xuất muối đất nên giá bán không cao. Việc chuyển đổi công nghệ sản xuất muối còn khó khăn, hiện chỉ được thực hiện nhiều tại các doanh nghiệp có tiềm lực về kinh tế. Để chủ động sản xuất muối đạt được năng suất cao, các doanh nghiệp thường áp dụng phương pháp sản xuất muối có phủ bạt che mưa ô kết tinh với khoảng 56ha tập trung tại thị xã Ninh Hòa và TP. Cam Ranh. Bên cạnh đó, một số hộ diêm dân có kinh tế khá cũng mạnh dạn bỏ vốn đầu tư áp dụng thành công phương pháp kết tinh muối trên ô trải bạt nhựa. Tuy nhiên, do chi phí đầu tư cao, khoảng 1 tỷ đồng/ha nên hiện mới chỉ có hơn 10 ha diện tích muối trong diêm dân áp dụng công nghệ này. Đây là con số khá thấp so với tổng diện tích sản xuất muối trong tỉnh. Hiện Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn đang tiến hành khảo sát và quy hoạch nghề muối tại Khánh Hòa, nhằm giảm diện tích sản xuất muối còn 510 ha vào năm 2020, thay vào đó, tập trung đầu tư công nghệ để sản xuất muối chất lượng cao, từ đó nâng được thu nhập cho diêm dân.

Tại Sa Huỳnh, Quảng Ngãi, giá muối đầu vụ tiếp tục sụt giảm trong tuần qua, hiện chỉ còn 900 đ/kg, giảm 100 đồng so với tuần trước, trong khi giá muối vụ năm ngoái đạt từ 1.500 – 2.000 đ/kg. Tình hình tiêu thụ muối của diêm dân Quảng Ngãi cũng vô cùng khó khăn.

Theo Hệ thống cung cấp giá tại địa phương, giá muối tại Bạc Liêu, Nam Định ổn định ở mức tuần trước. Cụ thể, tại Bạc Liêu, giá muối đen ở mức 600 – 700 đ/kg, muối trắng ở mức 800 – 900 đ/kg. Tại Nam Định, giá muối thường ở mức 1.750 đ/kg.



*Nguyễn Lan Anh*



## **KHÓ KHĂN ĐỐI VỚI XUẤT KHẨU NÔNG SẢN VIỆT NAM KHI GIA NHẬP TPP**

Việt Nam đã và đang tham gia một cách tích cực vào tiến trình hội nhập quốc tế thông qua việc ký kết các hiệp định đối tác kinh tế với các nước trong khu vực. Riêng Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) hiện vẫn trong tiến trình đàm phán và dự kiến sẽ ký kết trong năm 2015. TPP được kỳ vọng đem lại nhiều cơ hội lớn cho Việt Nam, tuy nhiên cũng sẽ mang đến không ít thách thức đối với xuất khẩu nông sản.

Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương gồm 12 quốc gia thành viên và là Hiệp định lớn, đặt ra nhiều tiêu chuẩn mới trong những năm tới đây. Hiệp định TPP có quy mô chiếm tới 40% tổng GDP toàn cầu và 1/3 thương mại toàn cầu - là khu vực tự do thương mại lớn nhất thế giới. Các chuyên gia nhận định, TPP là mô hình giống như WTO nhưng ở trình độ cao hơn, thông thoáng hơn. Việt Nam là một trong vài nước được hưởng lợi nhiều nhất vì mục tiêu lớn nhất của Hiệp định này là giảm thuế và xóa bỏ các rào cản thương mại. Cụ thể, khi các dòng thuế giảm xuống cũng đồng nghĩa với việc doanh nghiệp Việt Nam sẽ gia tăng xuất khẩu sang thị trường 11 nước thành viên, trong đó có các thị trường lớn, sức mua cao và ổn định như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Canada. Vấn đề quan tâm nhất là Hiệp định này giúp mở cửa thị trường hàng hóa đối với thị trường nông sản; nếu thành công thì thuế suất các sản phẩm như cá, tôm và nông sản cơ bản về 0%.

Việc tham gia TPP sẽ mở ra cơ hội cho Việt Nam gia tăng sản xuất và mở rộng thị trường nông sản ra nước ngoài. Cụ thể, Việt Nam là một nước có thế mạnh trong nông nghiệp với điều kiện thiên nhiên thuận lợi, có thể sản xuất nông nghiệp quanh năm. TPP ký kết có thể thúc đẩy đầu tư của các nước trong khối vào Việt Nam, tạo cơ hội cho Việt Nam khai thác các lợi thế tiềm năng về nông nghiệp.

Thêm vào đó, khi tham gia TPP, thuế suất giảm về 0% sẽ đem lại cơ hội cạnh tranh bình đẳng hơn cho các doanh nghiệp Việt Nam, tác động tích cực đến thu nhập của người dân, cải thiện sức cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu, nâng cao kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Ngoài ra, sản xuất nông nghiệp của Việt Nam chủ yếu là quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu. Gia nhập TPP sẽ mở ra cơ hội thu hút đầu tư, hợp tác với các nước nhằm hiện đại hóa sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất toàn cầu.

Tuy nhiên, nông nghiệp Việt Nam cũng sẽ phải đối mặt với không ít thách thức khi tham gia TPP.

Một là, đối với sản xuất nông nghiệp của Việt Nam, ngành chăn nuôi sẽ gặp nhiều khó khăn. TPP sẽ tạo ra sự cạnh tranh quyết liệt, trong khi các sản phẩm chăn nuôi của một số nước tham gia TPP đều theo quy trình sản xuất công nghiệp nên có lợi thế cạnh tranh vượt trội so với Việt Nam. Thị trường đáng ngại nhất là Mỹ vì đây là quốc gia có lợi thế về thức ăn chăn nuôi do có nhiều ngô và đậu tương giá rẻ. Theo tính toán sơ bộ, trong trường hợp thuế nhập khẩu về 0%, thịt lợn Mỹ sẽ tràn vào Việt Nam và rẻ hơn thịt sản xuất trong nước khoảng 15-20%. Ở góc độ này, chăn nuôi lợn của Việt Nam khó cạnh tranh nổi và sẽ bị ảnh hưởng ở mức độ nhất định.



Có thể nhận thấy, thách thức của ngành chăn nuôi khi hội nhập là chất lượng và giá. Khó khăn của Việt Nam là khối chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ rất lớn, dù cũng có hiệu quả nhưng thiếu sự liên kết khiến hiệu quả thấp. Điều này thể hiện ở các khía cạnh như sản phẩm sẽ khó có độ đồng đều; việc kiểm soát chất lượng sẽ trở lên rất khó khăn. Đặc biệt là hiện nay thương hiệu sản phẩm chăn nuôi mới chỉ có ở các doanh nghiệp lớn, còn lại nông dân chưa có thương hiệu. Do vậy, khi hội nhập, sản phẩm không có thương hiệu, nhãn mác, sự bảo hộ về trí tuệ thì rất khó cạnh tranh.

Khó khăn thứ hai là việc giảm thuế trong TPP sẽ dẫn đến sự gia tăng nhanh chóng nguồn hàng nhập khẩu từ các nước TPP vào Việt Nam với giá thành rẻ, chất lượng và mẫu mã đa dạng. Sản phẩm nông nghiệp, doanh nghiệp và nông dân Việt Nam đứng trước sự cạnh tranh gay gắt trong khi đó, các hàng nông sản và nông dân là những đối tượng dễ bị tổn thương nhất trong hội nhập.

Ba là, các nước tham gia TPP có xu hướng đàm phán nhằm hạn chế bảo hộ của các nước đối với nông sản nội địa. Khi đó, hàng rào phi thuế quan sẽ trở nên phổ biến nhưng các nước nhập khẩu lại yêu cầu cao hơn về chất lượng sản phẩm, trong khi đây là điểm yếu của sản xuất nông nghiệp Việt Nam. Hàng nhập khẩu tăng, xuất khẩu không tìm được đường vào thị trường các nước sẽ khiến nông nghiệp có nguy cơ bị gia tăng áp lực cạnh tranh.

Bốn là, để bảo hộ hàng hóa trong nước, Việt Nam tất yếu cũng sẽ áp dụng các hàng rào phi thuế quan. Nếu rào cản kỹ thuật chưa có hoặc còn kém, các biện pháp vệ sinh dịch tễ không hiệu quả sẽ khiến Việt Nam trở thành thị trường tiêu thụ các sản phẩm chất lượng thấp, vừa ảnh hưởng tới sức khỏe người tiêu dùng vừa không bảo vệ được sản xuất trong nước. Trong khi đó, các quy định về nước thải từ trại chăn nuôi hiện nay lại đang gây khó khăn cho doanh nghiệp. Tại Thái Lan và các nước tiên tiến khác, nước thải chỉ cần ủ và lọc qua hầm biogas là có thể tưới cho cây công nghiệp, nông sản... trong khi Việt Nam yêu cầu xử lý nước thải đạt loại A, dẫn đến chi phí sản xuất của doanh nghiệp chăn nuôi cao hơn.

Ở một sân chơi mới với những luật lệ mới, ngành nông nghiệp Việt Nam nhận được nhiều cơ hội để thay đổi, song nếu không kịp thích nghi và không có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, không ít doanh nghiệp xuất khẩu nông sản sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Nếu doanh nghiệp chưa sẵn sàng đáp ứng được các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm, những yêu cầu về trách nhiệm với người tiêu dùng, với xã hội theo yêu cầu của các nước thì sẽ khó có sự bứt phá về xuất khẩu. Ngành nông nghiệp cần bám sát lộ trình và các quy định về mở cửa thị trường của Hiệp định TPP nhằm xây dựng kế hoạch đầu tư, sản xuất hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh, tận dụng được cơ hội tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.

*Hồ Như Nguyệt*

#### **Tài liệu tham khảo:**

- Báo Công Thương
- Thông tấn xã Việt Nam
- [Tintucnongnghiep.com](http://Tintucnongnghiep.com), [vinanet.com.vn](http://vinanet.com.vn)
- Báo Tài chính



## **CẤP CHỨNG THƯ ĐIỆN TỬ CHO THỦY SẢN SANG EU**

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã cho phép thực hiện thí điểm việc cấp chứng thư điện tử trên hệ thống chuyên môn và kiểm soát thương mại (TRACES) đối với các lô hàng thủy sản xuất khẩu sang thị trường EU.

TRACES là hệ thống được sử dụng hoàn toàn trên website do EU xây dựng. Dựa trên hệ thống này, cơ quan thẩm quyền các nước sẽ cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh (chứng thư) điện tử cho động vật và sản phẩm có nguồn gốc từ động vật xuất nhập khẩu giữa các nước trong EU và các nước từ bên ngoài EU.

Theo Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (NAFIQAD), việc cấp chứng thư điện tử này sẽ được thống nhất áp dụng trong thời gian tới đối với tất cả các lô hàng thủy sản của các doanh nghiệp được phép chế biến, xuất khẩu sang thị trường EU.

Trong giai đoạn thí điểm từ ngày 4/5/2015, doanh nghiệp chủ động lựa chọn sản phẩm thực hiện, có thể chỉ thí điểm đối với các lô hàng có thông tin đơn giản, đồng nhất về chủng loại, thuận lợi cho việc tra cứu, chứng nhận. Cụ thể, về dạng sản phẩm và mã HS: Chỉ áp dụng đối với các lô hàng xuất khẩu một loại sản phẩm đồng nhất đã được áp mã HS rõ ràng, không ghép container; không thí điểm đối với sản phẩm seafood mix, thủy sản phối trộn; khuyến khích áp dụng đối với lô hàng vận chuyển bằng đường hàng không. Về nhà xuất khẩu: Chỉ áp dụng đối với trường hợp chủ hàng đồng thời là cơ sở sản xuất và xuất khẩu lô hàng...

*(Nguồn: Báo Công Thương)*

## **HỢP ĐỒNG XUẤT KHẨU CÁ TRA PHẢI NỘP PHÍ THẨM ĐỊNH**

Bộ Tài chính mới ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh thương mại cá tra áp dụng từ ngày 23/5/2015.

Theo quy định, tổ chức, cá nhân khi đăng ký hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá tra với Hiệp hội Cá tra Việt Nam, phải nộp phí thẩm định kinh doanh thương mại cá tra.

Mức thu phí thẩm định là 100.000 đồng/1 hợp đồng xuất khẩu/1 lần thẩm định. Mức phí đã bao gồm thuế giá trị gia tăng. Phí thẩm định có thể nộp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Hiệp hội Cá tra Việt Nam.

Phí thẩm định kinh doanh thương mại cá tra là khoản thu không thuộc ngân sách nhà nước. Hiệp hội Cá tra Việt Nam được quản lý và sử dụng phí thu được để trang trải chi phí cho việc thẩm định, thu phí; sau khi đã nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật.

*(Nguồn: Trí thức trẻ/Bộ Tài chính)*

**BẢNG GIÁ NÔNG SẢN TẠI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC, THẾ GIỚI**

| <b>CÀ PHÊ</b>         |                           |               |              |              |              |              |              |              |              |              |
|-----------------------|---------------------------|---------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| <b>MẶT HÀNG</b>       | <b>THỊ TRƯỜNG</b>         | <b>ĐƠN VỊ</b> | <b>NGÀY</b>  |              |              |              |              |              |              |              |
|                       |                           |               | <b>06/04</b> | <b>07/04</b> | <b>08/04</b> | <b>09/04</b> | <b>10/04</b> | <b>13/04</b> | <b>14/04</b> | <b>15/04</b> |
| <b>Trong nước</b>     |                           |               |              |              |              |              |              |              |              |              |
| Cà phê nhân xô vôi    | Đắc Lắc- TP Buôn Mê Thuột | đ/kg          | 38100        | 38100        | 38600        | 38500        | 38500        | 39200        | 38700        | 38800        |
| Cà phê nhân xô vôi    | Đà Lạt - Lâm Đồng         | đ/kg          | 37500        | 37500        | 38500        | 38200        | 38200        | 38200        | 38000        | 38000        |
| <b>Thế giới</b>       |                           |               |              |              |              |              |              |              |              |              |
| Cà phê Robusta (5/15) | London - Anh              | USD /tấn      |              | 1806         | 1790         | 1791         | 1813         | 1789         | 1793         | 1794         |

| <b>CAO SU</b>           |                    |               |              |              |              |              |              |              |              |              |
|-------------------------|--------------------|---------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| <b>MẶT HÀNG</b>         | <b>THỊ TRƯỜNG</b>  | <b>ĐƠN VỊ</b> | <b>NGÀY</b>  |              |              |              |              |              |              |              |
|                         |                    |               | <b>06/04</b> | <b>07/04</b> | <b>08/04</b> | <b>09/04</b> | <b>10/04</b> | <b>13/04</b> | <b>14/04</b> | <b>15/04</b> |
| <b>Thế giới</b>         |                    |               |              |              |              |              |              |              |              |              |
| cao su RSS3 (4/15)      | TOCOM- Nhật Bản    | Yên/kg        |              | 207,9        | 204,9        | 199,9        | 199,4        | 201,1        | 198,2        | 199,8        |
| RSS3 C1 BKK (Giao ngay) | Bangkok - Thái Lan | TLB /kg       |              | 57,4         | 56,9         | 56,15        | 55,9         |              |              |              |
| SIR20 BELAWAN NN (5/15) | Indonesia          | Uscent /kg    |              | 164,5        | 164          | 163,5        |              |              | 164          | 134,5        |

| <b>PHÂN BÓN</b>         |                              |               |              |              |              |              |              |              |              |              |
|-------------------------|------------------------------|---------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| <b>MẶT HÀNG</b>         | <b>THỊ TRƯỜNG</b>            | <b>ĐƠN VỊ</b> | <b>NGÀY</b>  |              |              |              |              |              |              |              |
|                         |                              |               | <b>06/04</b> | <b>07/04</b> | <b>08/04</b> | <b>09/04</b> | <b>10/04</b> | <b>13/04</b> | <b>14/04</b> | <b>15/04</b> |
| <b>Trong nước</b>       |                              |               |              |              |              |              |              |              |              |              |
| Phân Đầu trâu L1        | Hưng Yên- Yên Mỹ- Trung Hưng | đ/kg          | 12500        |              | 12500        |              |              | 12500        | 12500        | 12500        |
| NPK cô pháp (20-20-15)  | Lâm Đồng - Đà Lạt            | đ/kg          | 15000        | 15000        | 15000        | 15000        | 15000        | 15000        | 15000        | 15000        |
| NPK 20-20-15            | Vinh Long- Bình Minh         | đ/bao 50kg    | 630000       |              | 630000       |              |              | 630000       | 630000       | 630000       |
| <b>Thế giới</b>         |                              |               |              |              |              |              |              |              |              |              |
| Urea Yuzhny (Giao ngay) | Nga                          | USD /tấn      |              |              |              |              | 10,575       | 251          |              |              |

| CHĂN NUÔI          |                                 |            |        |        |        |        |        |        |        |        |
|--------------------|---------------------------------|------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| MẶT HÀNG           | THỊ TRƯỜNG                      | ĐƠN VỊ     | NGÀY   |        |        |        |        |        |        |        |
|                    |                                 |            | 06/04  | 07/04  | 08/04  | 09/04  | 10/04  | 13/04  | 14/04  | 15/04  |
| <b>Trong nước</b>  |                                 |            |        |        |        |        |        |        |        |        |
| Gà trống ta hơi    | Hà Nội - Thường Tín - Chợ Hà Vĩ | đ/kg       | 100000 | 100000 | 100000 | 100000 | 100000 | 100000 | 100000 | 100000 |
| Gà Công nghiệp hơi | Hà Nội - Thường Tín - Chợ Hà Vĩ | đ/kg       | 37000  | 37000  | 37000  | 37000  | 37000  | 37000  | 37000  | 37000  |
| Gà trống ta hơi    | An Giang-Thoại Sơn              | đ/kg       | 90000  | 90000  | 90000  | 90000  | 90000  | 90000  | 90000  | 90000  |
| Lợn hơi            | Vĩnh Long-Chợ Vũng Liêm         | đ/kg       | 47000  |        | 47000  |        | 47000  | 48000  |        | 48000  |
| Lợn hơi            | An Giang-Thoại Sơn              | đ/kg       | 50000  | 50000  | 50000  | 50000  | 50000  | 50000  | 50000  | 50000  |
| <b>Thế giới</b>    |                                 |            |        |        |        |        |        |        |        |        |
| Lợn hơi (4/15)     | Chicago - Mỹ                    | Uscent /lb | 63,25  | 62,575 | 62,3   | 62,1   | 62,55  | 63,1   | 63,175 | 62,875 |

| THỨC ĂN CHĂN NUÔI                                    |                 |                |       |       |        |       |       |        |        |       |
|--|-----------------|----------------|-------|-------|--------|-------|-------|--------|--------|-------|
| MẶT HÀNG   | THỊ TRƯỜNG      | ĐƠN VỊ         | NGÀY  |       |        |       |       |        |        |       |
|  |                 |                | 06/04 | 07/04 | 08/04  | 09/04 | 10/04 | 13/04  | 14/04  | 15/04 |
| <b>Trong nước</b>                                    |                 |                |       |       |        |       |       |        |        |       |
| Cám viên heo từ 40 - 70 kg mã số 1041H               | Hưng Yên-Yên Mỹ | đ/kg           | 10300 |       | 10300  |       | 10300 | 10300  |        | 10300 |
| Cám đậm đặc loại từ 10 kg - Xuất chuồng mã số 9020HS | Hưng Yên-Yên Mỹ | đ/kg           | 15000 |       | 15000  |       | 15000 | 15000  |        | 15000 |
| <b>Thế giới</b>                                      |                 |                |       |       |        |       |       |        |        |       |
| Ngô (5/15)   | Chicago - Mỹ    | Uscent /Bushel | 385   | 383   | 379,25 | 378   | 377   | 370,5  | 373,5  | 376   |
| Đậu tương (5/15)                                     | Chicago - Mỹ    | Uscent /Bushel | 978,5 | 971   | 971,5  | 953,5 | 951,5 | 948,75 | 960,25 | 965   |

| CHÈ                                   |                                      |         |        |        |       |        |        |       |        |        |
|---------------------------------------|--------------------------------------|---------|--------|--------|-------|--------|--------|-------|--------|--------|
| MẶT HÀNG                              | THỊ TRƯỜNG                           | ĐƠN VỊ  | NGÀY   |        |       |        |        |       |        |        |
|                                       |                                      |         | 06/04  | 07/04  | 08/04 | 09/04  | 10/04  | 13/04 | 14/04  | 15/04  |
| Chè xanh búp khô                      | TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ | đ/kg    | 130000 | 130000 |       | 130000 | 130000 |       | 130000 | 130000 |
| Chè cành chất lượng cao               | TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ | đ/kg    | 200000 | 200000 |       | 200000 | 200000 |       | 200000 | 200000 |
| Chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1)   | TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ | đ/kg    | 160000 | 160000 |       | 160000 | 160000 |       | 160000 | 160000 |
| Chè búp tươi sản xuất chè xanh loại 1 | TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ | đ/kg    | 14000  | 14000  |       | 14000  | 14000  |       | 14000  | 14000  |
| Chè búp tươi sản xuất chè xanh loại 2 | TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ | đ/kg    | 8000   | 8000   |       | 8000   | 8000   |       | 8000   | 8000   |
| Sản xuất chè xanh (giá loại 1)        | Lâm Đồng - Bảo Lộc                   | đ/kg    | 10000  | 10000  | 10000 | 10000  | 10000  | 10000 | 10000  | 10000  |
| Sản xuất chè đen (giá loại 1)         | Lâm Đồng - Bảo Lộc                   | đ/kg    | 5500   | 5500   | 5500  | 5500   | 5500   | 5500  | 5500   | 5500   |
| <b>Thế giới</b>                       |                                      |         |        |        |       |        |        |       |        |        |
| Chè Kenya (giao ngay)                 | Kenya                                | USD /kg |        |        |       |        | 2,83   |       |        |        |

| ĐƯỜNG              |             |          |       |       |       |       |       |       |       |       |
|--------------------|-------------|----------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| MẶT HÀNG           | THỊ TRƯỜNG  | ĐƠN VỊ   | NGÀY  |       |       |       |       |       |       |       |
|                    |             |          | 06/04 | 07/04 | 08/04 | 09/04 | 10/04 | 13/04 | 14/04 | 15/04 |
| Đường trắng (5/15) | London -Anh | USD /tấn |       | 366,8 | 366,4 | 363,6 | 365,6 | 366,9 | 371,5 | 370   |

| GỖ           |              |          |       |       |       |       |       |       |       |       |
|--------------|--------------|----------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| MẶT HÀNG     | THỊ TRƯỜNG   | ĐƠN VỊ   | NGÀY  |       |       |       |       |       |       |       |
|              |              |          | 06/04 | 07/04 | 08/04 | 09/04 | 10/04 | 13/04 | 14/04 | 15/04 |
| Gỗ xẻ (5/15) | Chicago - Mỹ | USD /tbf | 271,7 | 268,9 | 268,4 | 269,9 | 266,8 | 259,6 | 250,6 | 259,7 |

| LÚA, GẠO                            |                           |        |       |       |       |       |       |       |       |       |
|-------------------------------------|---------------------------|--------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| MẶT HÀNG                            | THỊ TRƯỜNG                | ĐƠN VỊ | NGÀY  |       |       |       |       |       |       |       |
|                                     |                           |        | 06/04 | 07/04 | 08/04 | 09/04 | 10/04 | 13/04 | 14/04 | 15/04 |
| Lúa CLC IR 50404 (lúa ướt)          | An Giang - Thoại Sơn      | đ/kg   | 4400  | 4400  | 4400  | 4400  | 4400  | 4300  | 4300  | 4300  |
| Lúa CLC OM 2514 (lúa ướt)           | An Giang - Thoại Sơn      | đ/kg   | 4600  | 4600  | 4600  | 4600  | 4600  | 4600  | 4600  | 4600  |
| Lúa CLC OM 1490 (lúa ướt)           | An Giang - Thoại Sơn      | đ/kg   | 4500  | 4500  | 4500  | 4500  | 4500  | 4500  | 4500  | 4500  |
| Lúa CLC OM 2717 (lúa ướt)           | An Giang - Thoại Sơn      | đ/kg   | 4600  | 4600  | 4600  | 4600  | 4600  | 4600  | 4600  | 4600  |
| Lúa chất lượng cao lúa ướt          | Bạc Liêu- Huyện Vĩnh Lợi, | đ/kg   |       |       | 4700  |       |       |       |       | 4600  |
| Lúa tẻ thường                       | Kiên Giang- Tân Hiệp      | đ/kg   | 5400  |       | 5500  |       | 5500  | 5500  |       | 5500  |
| Lúa dài                             | Kiên Giang- Tân Hiệp      | đ/kg   | 5700  |       | 5700  |       | 5700  | 5700  |       | 5700  |
| Gạo CLC IR 50404                    | Vĩnh Long                 | đ/kg   | 11000 |       | 11000 |       | 9000  | 9000  |       | 9000  |
| Gạo tẻ chất lượng cao (CLC)IR 50404 | An Giang - Thoại Sơn      | đ/kg   | 10000 | 10000 | 10000 | 10000 | 10000 | 10000 | 10000 | 10000 |
| Gạo                                 | Kiên Giang- Tân Hiệp      | đ/kg   | 12000 |       | 12000 |       | 12000 | 12000 |       | 12000 |





